

Số: 1569/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Kết luận số 80-KL/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Bộ Chính trị về Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 269/TTr-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024, văn bản số 2884/UBND-KTTH ngày 30 tháng 8 năm 2024, Tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 về phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 1481/BC-HĐTĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về hồ sơ Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 3695/BKHĐT-QLQH ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổng hợp ý kiến rà soát hồ sơ Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

- Phạm vi, ranh giới quy hoạch gồm toàn bộ phần lãnh thổ Thủ đô Hà Nội có tổng diện tích tự nhiên là 3.359,84 km².

- Thành phố Hà Nội có tọa độ địa lý từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông.

- Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Vĩnh Phúc; phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Hà Nam, tỉnh Hòa Bình; phía Đông giáp tỉnh Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hưng Yên; phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

Quy hoạch Thủ đô Hà Nội được lập với “tầm nhìn mới - tư duy mới toàn cầu, tư duy Thủ đô và hành động Hà Nội”, tạo ra những “cơ hội mới - giá trị mới” để phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” trong ngắn hạn và dài hạn, theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị, góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Quy hoạch này được đề xuất dựa trên các yếu tố văn hóa, văn hiến, văn minh và hiện đại, với triết lý phát triển: “Phát sáng nhân tài; Khai phóng trí tuệ; Lan tỏa nhân văn; Hòa điệu thiên nhiên; Tiến cùng thời đại”.

Quan điểm cốt lõi của quy hoạch là “con người là trung tâm của sự phát triển”, với hình ảnh Thủ đô Hà Nội được định hình: “Thủ đô văn hiến - kết nối toàn cầu - thanh lịch hào hoa - phát triển hài hòa - thanh bình thịnh vượng - chính quyền phục vụ - doanh nghiệp công hiến - xã hội niềm tin - người dân hạnh phúc”.

1. Quan điểm phát triển

a) Quan điểm phát triển chung

- Phát triển Thủ đô phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng. Khai dậy khát vọng phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, xanh, thông minh, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Thống nhất cao trong nhận thức về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng và yêu cầu, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội, tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực trong nước và quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh tế và hội nhập quốc tế có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô và cả nước cùng phát triển.

- Phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, hội nhập quốc tế, gắn với quá trình chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn. Khai thác và sử dụng hiệu quả các lợi thế về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên. Bảo tồn, phát huy bản sắc, văn hóa, lịch sử nghìn năm văn hiến, các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của vùng đất Thăng Long - Hà Nội. Văn hóa và con người vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, là động lực, nguồn lực đặc biệt quan trọng để phát triển Thủ đô với con người là trung tâm, hạt nhân của sự phát triển. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài là trụ cột cốt lõi trong xây dựng và phát triển Thủ đô.

- Phát triển đô thị xanh, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc, là động lực phát triển chính của Thủ đô, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết với các đô thị vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô và cả nước. Phát triển nông thôn hiện đại, nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh, có bản sắc của Thủ đô. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối, giao thông công cộng, hạ tầng số, hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Phát triển theo hướng phù hợp điều kiện tự nhiên, hướng đến mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của quốc gia.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối Thủ đô trong mọi tình huống. Tích cực chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng các hoạt động đối ngoại, xây dựng hình ảnh Thủ đô Hà Nội văn hiến, thanh bình và thịnh vượng, thành phố toàn cầu.

b) Quan điểm về tổ chức không gian

- Sắp xếp, phân bố không gian phát triển kinh tế - xã hội theo cấu trúc tâm - tuyến các hành lang, vành đai kinh tế và các trục phát triển, cùng với hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ để phát triển kinh tế - xã hội, liên kết vùng, cả nước và quốc tế; gắn kết chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa; phát triển hài hòa đô thị và nông thôn.

- Phát triển, khai thác có hiệu quả, hài hòa 5 không gian: (i) không gian công cộng, (ii) không gian trên cao, (iii) không gian ngầm, (iv) không gian văn hóa - sáng tạo, (v) không gian số. Sông Hồng là trục xanh, trục cảnh quan trung tâm của Thủ đô, là không gian văn hóa di sản, du lịch và dịch vụ, kết nối vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng.

- Phát triển không gian đô thị theo mô hình đô thị trung tâm và các thành phố trong Thủ đô, các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái. Phát triển các mô hình đô thị mới theo chức năng đặc thù: đô thị theo định hướng giao thông (TOD), đô thị khoa học công nghệ, đô thị sân bay, đô thị du lịch... Phát triển không gian nông thôn bảo đảm hài hòa giữa quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường; tạo điều kiện sống hiện đại nhưng vẫn giữ nét truyền thống đặc trưng; bảo tồn, phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, xanh, thông minh, nơi hội tụ tinh hoa văn hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao, có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực; là trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, là cực tăng trưởng có vai trò dẫn dắt kinh tế của cả nước, có tầm ảnh hưởng trong khu vực; là trung tâm kinh tế tài chính lớn; trung tâm hàng đầu về giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; thành phố thanh bình, người dân hạnh phúc.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 8,5 - 9,5%/ năm thời kỳ 2021 - 2030. Quy mô GRDP (giá hiện hành) năm 2030 gấp 3,4 lần năm 2020; đóng góp 15 - 16% tổng sản phẩm (GDP) của cả nước, khoảng 45 - 46% GRDP của vùng đồng bằng sông Hồng. GRDP bình quân/người (giá hiện hành) đạt khoảng 13.500 - 14.000 USD;

(2) Tỷ trọng GRDP của khu vực dịch vụ chiếm khoảng 65,2%, khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 25,3%, khu vực nông, lâm, thủy sản khoảng 1,3%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,2%.

Kinh tế số chiếm 40% trong GRDP; công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 8% trong GRDP của thành phố;

(3) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng bình quân khoảng 57 - 58%;

(4) Tốc độ tăng năng suất lao động khoảng 7,5 - 8%/năm;

- Về xã hội:

(5) Quy mô dân số thường trú khoảng 10,5 - 11 triệu người; dân số vắng lai quy đổi khoảng 1,45 triệu người;

(6) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,88 - 0,90;

(7) Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia từ 85 - 90%;

(8) Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong nền kinh tế lên 80 - 85%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 60%;

(9) Tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức dưới 3%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 3,5%;

(10) Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia;

(11) Số giường bệnh/vạn dân đạt trên 38 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 19 bác sĩ; số dược sĩ/vạn dân đạt 3 dược sĩ; số điều dưỡng/bác sĩ đạt 3 - 4 điều dưỡng. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số;

- Về môi trường:

(12) Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 6,2%;

(13) Diện tích cây xanh đô thị phần đầu khoảng 10 - 12 m²/người;

(14) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại tại nguồn, thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%, trong đó, tỷ lệ được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 10%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại tại nguồn đạt 100%, trong đó, tỷ lệ được thu, gom xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%;

(15) Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đạt 70%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%;

(16) Tỷ lệ dân số đô thị và nông thôn được tiếp cận nguồn nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%;

- Về đô thị và nông thôn:

(17) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65 - 70%;

(18) Tỷ lệ vận tải công cộng phần đầu đáp ứng 30 - 40% nhu cầu đi lại của người dân đô thị;

(19) Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 32 m²;

(20) Có 50% tổng số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 30% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; đồng thời xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn tiệm cận các tiêu chuẩn đô thị;

(21) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội Thủ đô trong mọi tình huống; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Thủ đô Hà Nội là thành phố toàn cầu, xanh - thông minh - thanh bình - thịnh vượng, xứng tầm đại diện vị thế nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc, tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển hàng đầu trong khu vực, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trên thế giới; là nơi đáng đến và lưu lại, nơi đáng sống và cống hiến. Người dân có mức sống và chất lượng cuộc sống cao.

GRDP bình quân đầu người khoảng 45.000 - 46.000 USD; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 80 - 85%.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Về bảo vệ môi trường và cảnh quan:

- Giải quyết căn bản ô nhiễm môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải bằng công nghệ hiện đại, tuần hoàn, thân thiện với môi trường; xóa bỏ tình trạng ngập, úng cục bộ; làm sống lại các dòng sông, khai thác tiềm năng lợi thế không gian mặt nước của hệ thống sông, ao hồ... thành nguồn lực phát triển.

- Phát triển xanh, tăng diện tích cây xanh, xanh hóa khu vực nội đô; giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng sạch, tham gia thị trường các - bon, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 của quốc gia.

(2) Về phát triển đô thị và nông thôn.

- Phát triển giao thông công cộng, cơ bản hoàn thành hệ thống đường sắt đô thị, đường vành đai, các cầu qua sông Hồng trước năm 2035; giải quyết căn bản tình trạng ùn tắc tại các cửa ngõ của thành phố và khu vực nội đô.

- Bảo tồn, tôn tạo các khu phố cổ, phố cũ; phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc tiêu biểu gắn với phát triển du lịch bền vững. Cải tạo các khu chung cư cũ, các khu nhà ở không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn.

- Phát triển đô thị mới theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, có hệ thống hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, tạo cơ hội việc làm, thu hút dân cư từ đô thị trung tâm và tạo động lực lan tỏa phát triển khu vực nông thôn. Xây dựng mô hình thành phố trong Thủ đô để tạo động lực phát triển hài hòa các khu vực đô thị và nông thôn.

- Phát triển khu vực nông thôn theo các đặc thù của mỗi khu vực: khu vực đô thị hóa, khu vực nông thôn truyền thống, khu vực có không gian kiến trúc, cảnh quan vùng nông thôn của Thủ đô mang đậm nét văn hóa đặc sắc của vùng đồng bằng Bắc Bộ; tạo không gian sống trong lành, chất lượng sống không thấp hơn khu vực đô thị.

(3) Về phát triển kinh tế:

- Cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế chia sẻ. Hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước năm 2030.

- Phát triển hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và có chính sách thu hút đầu tư để Hà Nội dẫn đầu khu vực phía Bắc về phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, các ngành mới nổi; phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, sinh thái, thu hút các tập đoàn lớn trên thế giới thực hiện các chương trình trọng điểm của Thủ đô. Mở rộng, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng ngành dịch vụ, thương mại, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ; phát triển dịch vụ logistics, xây dựng các trung tâm phân phối để trở thành trung tâm đầu mối trung chuyển đa phương tiện, kết nối liên vùng trong nước và quốc tế. Hiện đại hóa ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng để Thủ đô Hà Nội là trung tâm tài chính quốc gia, định hướng mang tầm quốc tế. Phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thủ đô.

- Phát triển kinh tế đô thị gắn với tổ chức, khai thác có hiệu quả các không gian phát triển. Phát triển các mô hình kinh tế đêm phù hợp gắn với khai thác không gian văn hóa - lịch sử, phố cổ - Hồ Tây - sông Hồng và các khu vực có tiềm năng, lợi thế, tạo nên nét đặc sắc, hấp dẫn của Thủ đô Hà Nội.

- Phát triển lực lượng sản xuất mới kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. Xác lập phương thức sản xuất số trong đó dữ liệu trở thành tài nguyên, tư liệu sản xuất, kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo.

(4) Về phát triển văn hóa, xã hội:

- Bảo tồn, tôn tạo, khai thác, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, lịch sử, nâng tầm di sản bằng công nghệ số. Hình thành các không gian văn hóa đặc sắc, tiêu biểu, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các sáng kiến và cam kết của Thủ đô Hà Nội khi gia nhập Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO. Nghiên cứu, đề nghị UNESCO ghi danh di sản thế giới đối với một số không gian văn hóa, di sản đặc trưng của Thủ đô Hà Nội. Xây dựng một số công trình kiến trúc hiện đại mang tính biểu tượng thời kỳ phát triển mới của Thủ đô.

- Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu trường, thiếu lớp, bảo đảm điều kiện tiếp cận giáo dục thuận lợi, phù hợp theo độ tuổi với chất lượng giáo dục cao, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu đào tạo năng lực công dân toàn cầu. Xây dựng đồng bộ hạ tầng khu, cụm đại học tại khu vực Hòa Lạc, Xuân Mai để hình thành thành phố khoa học công nghệ; giảm các hoạt động đào tạo đại học tại khu vực trung tâm.

- Xây dựng hệ thống y tế Thủ đô tiên tiến, hiện đại, chuyên sâu, đáp ứng toàn diện nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh cao, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế; phát triển mạng lưới bác sĩ gia đình và hệ thống kiểm soát dịch bệnh.

- Bảo đảm và nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, bao trùm, bền vững, tiến bộ và công bằng bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

(5) Về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Thúc đẩy, nâng cao vai trò của khu công nghệ cao Hòa Lạc, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học và các viện nghiên cứu trên địa bàn trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Huy động tiềm năng nguồn lực nhân tài, đặc biệt là các chuyên gia bậc cao, những nhà phát minh, sáng chế trong nước và trên thế giới đóng góp cho phát triển Thủ đô.

b) Các khâu đột phá phát triển

(1) Thể chế và quản trị:

- Hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô toàn diện, đồng bộ, thống nhất, khả thi với các cơ chế, chính sách đặc thù. Tăng cường phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, thực hiện cơ chế thí điểm phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, đất đai, môi trường, phát triển văn hóa, giao thông, dân cư, tổ chức bộ máy nhằm tạo sự chủ động sáng tạo, tăng tính tự chủ, tự lực, tự chịu trách nhiệm, kiểm soát quyền lực trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Thủ đô Hà Nội.

- Xây dựng cơ chế huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực văn hóa, con người, tài nguyên nhân văn, tài nguyên đất đai, tài nguyên số; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước tham gia thực hiện các chương trình trọng điểm của Thủ đô.

- Đổi mới quản trị chính quyền theo hướng hiện đại, tổ chức bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm tầng nấc trung gian; xây dựng cơ chế, tổ chức đặc thù cho mô hình thành phố trong Thủ đô. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền phục vụ, tạo đột phá về môi trường đầu tư kinh doanh.

(2) Hạ tầng đồng bộ, hiện đại và kết nối:

- Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, năng lượng, chuyển đổi số. Phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, kết nối liên vùng, tập trung xây dựng các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ, đường vành đai, hoàn thành các nút giao

thông cửa ngõ, hệ thống cầu qua sông Hồng, sông Đuống; phát triển hệ thống giao thông công cộng, đặc biệt tập trung đầu tư, sớm hoàn thành hệ thống đường sắt đô thị kết nối các khu tập trung đông dân cư, kết nối đô thị trung tâm với các trung tâm đô thị mới, kết nối Thủ đô với trung tâm các tỉnh trong vùng. Huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng theo phương thức hợp tác công tư PPP; khai thác các nguồn lực mới tạo ra thông qua mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD).

- Chú trọng khai thác không gian ngầm để xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, giao thông công cộng có khối lượng vận chuyển lớn, tạo không gian mới phát triển dịch vụ đồng bộ tại trung tâm các đô thị.

- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đồng bộ, hiện đại, liên thông các cơ sở dữ liệu lớn về: dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, đất đai, nhà ở... bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, xã hội số, công dân số và kinh tế số.

(3) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; khoa học công nghệ và tài nguyên nhân văn:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có năng lực, trình độ cao, tư duy khoa học, chuyên nghiệp, có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Xây dựng cơ chế đặc thù, vượt trội trong đào tạo, tuyển dụng, thu hút, trọng dụng nhân tài, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý giỏi, văn nghệ sĩ hàng đầu trong nước và quốc tế tham gia vào các chương trình phát triển, tham mưu, tư vấn đóng góp cho Thủ đô.

- Tạo lập cơ chế khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyên gia, ứng dụng công nghệ; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu Việt Nam với nòng cốt là Khu công nghệ cao Hoà Lạc và Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học. Thí điểm xây dựng một số mô hình áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox). Nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ trọng điểm quy mô cấp vùng.

- Áp dụng các cơ chế đặc thù thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác tài nguyên nhân văn thành nguồn lực phát triển bền vững của Thủ đô.

(4) Đô thị, môi trường và cảnh quan:

- Phát triển một số khu đô thị mới theo mô hình TOD có hạ tầng đồng bộ, văn minh, hiện đại. Cải tạo, chỉnh trang các khu phố cổ, phố cũ có giá trị về mặt kiến trúc thành phố đi bộ, phát triển kinh tế đêm, không gian văn hóa ẩm thực và lưu trú phục vụ khách du lịch. Cải tạo tổng thể các khu chung cư cũ, khu nhà ở thấp tầng xung quanh khu vực có ga đường sắt đô thị theo mô hình TOD.

- Nghiên cứu, xây dựng đập dâng trên sông Hồng, sông Đuống theo Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi để dâng cao mực nước vào mùa cạn tạo không gian cảnh quan, làm sống lại các dòng sông, tạo nguồn cấp nước ổn định phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội Thủ đô và sản xuất trong vùng.

- Nghiên cứu phương án sử dụng phù hợp, hiệu quả quỹ đất hai bên bờ sông Hồng, sông Đuống cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cho phát triển du lịch, dịch vụ. Phát triển trục sông Hồng là trục trung tâm phát triển của Thủ đô với sự phân bố hài hoà các không gian sinh thái, văn hóa, lịch sử, dịch vụ, du lịch và nghỉ dưỡng, không gian đô thị hiện đại hai bên sông.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách riêng nước mưa, kết hợp hệ thống xử lý nước thải cục bộ với hệ thống xử lý tập trung tại khu vực đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nghiên cứu triển khai mô hình tiêu thấm, lưu trữ, thoát nước chống ngập thông minh kết hợp tuần hoàn nước đô thị, giải quyết triệt để tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường nước.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC, PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển ngành quan trọng

a) Các ngành dịch vụ

Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ hiện đại mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển thương mại, logistics, tài chính, các dịch vụ đô thị, dịch vụ công và kinh tế ban đêm gắn với phát triển du lịch bền vững, có năng lực cạnh tranh cao trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại. Tăng cường kết nối các hoạt động thương mại, dịch vụ của Thủ đô Hà Nội với các trung tâm vùng và cả nước thông qua các hành lang và vành đai kinh tế.

(1) Thương mại:

- Phát triển thương mại văn minh, hiện đại, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Phát triển các trung tâm thương mại hiện đại, theo chuẩn quốc tế; hình thành các tổ hợp thương mại dịch vụ quy mô cấp vùng, kết hợp mua sắm với vui chơi giải trí, các mô hình kinh tế ban đêm. Phát triển các sàn giao dịch hàng hóa quốc gia, liên thông quốc tế. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử dựa trên nền tảng hạ tầng số hiện đại; đi đầu cả nước về phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới.

- Nghiên cứu hình thành trung tâm thương mại theo mô hình chuỗi cửa hàng bán lẻ sản phẩm, hàng tồn kho của các nhà sản xuất (outlet) tại các đầu mối giao thông liên tỉnh, liên vận quốc tế ở khu vực phía Bắc và phía Nam thành phố. Hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp trong không gian ngầm tại trung tâm các khu đô thị, đầu mối giao thông công cộng, nơi tập trung đông dân cư.

- Nâng cấp, cải tạo Trung tâm triển lãm nông nghiệp (quận Cầu Giấy); đầu tư xây mới Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại khu vực Đông Anh, Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại khu vực phía Nam.

- Tổ chức không gian phát triển thương mại:

+ Khu vực nội đô lịch sử: Ưu tiên phát triển các tuyến phố thương mại văn minh, hiện đại bán các mặt hàng cao cấp; hình thành các tuyến phố đi bộ kinh doanh hàng kỹ nghệ, mỹ thuật và lưu niệm, phát triển dịch vụ ẩm thực kết hợp lưu trú phục vụ khách du lịch; phát triển đa dạng các hoạt động kinh tế đêm khu vực phố cổ, ven sông Hồng, khu vực Hồ Tây. Khai thác không gian ngầm để mở rộng thêm không gian các hoạt động thương mại.

+ Khu vực đô thị trung tâm hiện hữu (ngoài khu vực nội đô lịch sử): Ưu tiên phát triển các tổ hợp thương mại chất lượng cao kết hợp với các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp, mang tầm khu vực và thế giới; phát triển các trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới.

+ Khu vực đô thị trung tâm mở rộng: Ưu tiên phát triển các trung tâm thương mại có chức năng đầu mối cấp vùng (chợ đầu mối, trung tâm logistics), cung cấp, phân phối hàng hóa cho khu vực nội đô và trung chuyển đến các tỉnh.

+ Khu vực thành phố phía Bắc và khu vực phía Nam Thủ đô: Ưu tiên phát triển các trung tâm logistics phục vụ kết nối vận tải đa phương tiện: hàng không, đường sắt, đường bộ và đường thủy trên các hành lang kinh tế và các trung tâm phân phối trực tiếp hàng hóa tiêu dùng của các hãng sản xuất lớn trong nước và quốc tế.

+ Khu vực thành phố phía Tây và khu vực đô thị Sơn Tây - Ba Vì: Ưu tiên phát triển các trung tâm thương mại tổng hợp, các cửa hàng tiện lợi tại các khu đô thị; phát triển các chợ truyền thống và các chợ đầu mối nông sản tại khu vực nông thôn; phát triển mô hình phố đi bộ và kinh tế đêm tại thị xã Sơn Tây.

+ Khu vực các huyện: Phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ gắn với các lợi thế về văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và du lịch sinh thái, du lịch văn hóa... Phát triển các chợ dân sinh và các cửa hàng thương mại dịch vụ tổng hợp phục vụ nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân và du khách.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

(2) Du lịch:

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Thủ đô Hà Nội trở thành một trong các điểm đến du lịch được lựa chọn hàng đầu tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nơi đáng đến và lưu lại; là đầu mối của các tuyến du lịch đến các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế.

- Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc của Thủ đô nghìn năm văn hiến, có thương hiệu sản phẩm nổi bật và sức cạnh tranh cao trong nước và quốc tế. Chú trọng phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch hội nghị, hội thảo, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, du lịch thể thao, giải trí... Phát triển các sản phẩm du lịch thông minh trên cơ sở ứng dụng công nghệ số để nâng tầm các di sản của Thủ đô như: Hoàng thành Thăng Long, Thành Cổ Loa, Thành cổ Sơn Tây, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hồ Gươm, các đền, đình,

chùa... Phát triển các sản phẩm du lịch thăm quan làng cổ, làng nghề truyền thống gắn với không gian văn hóa giới thiệu các sản phẩm nghề truyền thống và trải nghiệm các hoạt động sản xuất, cuộc sống làng quê.

- Khai thác các giá trị đặc biệt của khu vực Hồ Tây, khu phố cổ, phố cũ, sông Hồng để phát triển các hoạt động du lịch văn hóa, lễ hội, âm nhạc, ẩm thực, vui chơi giải trí gắn với phát triển kinh tế đêm. Khai thác các giá trị lịch sử, văn hóa - tín ngưỡng, đặc thù của tự nhiên để phát triển khu vực Hương Sơn - Quan Sơn thành khu du lịch quốc gia với sản phẩm nổi trội về văn hóa, nghỉ dưỡng; khu vực Sơn Tây - Ba Vì là khu du lịch quốc gia về cội nguồn lịch sử, du lịch sinh thái tham quan, bảo tồn động, thực vật và nghỉ dưỡng; khai thác lợi thế cảnh quan thiên nhiên, các mặt nước và đồi, núi, rừng trên địa bàn thành phố để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí và lưu trú.

- Phát triển hành lang du lịch dọc theo hai bờ sông Hồng (từ Ba Vì đến Phú Xuyên), theo vành đai 4, hai bờ sông Đáy (Phúc Thọ đến Mỹ Đức); từng bước hình thành hành lang du lịch theo sông Tô Lịch; khai thác hành lang du lịch theo sông Cầu và sông Cà Lồ (huyện Sóc Sơn) và hành lang du lịch dọc sông Tích. Tập trung phát triển: (1) Cụm du lịch Trung tâm (gồm các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Tây Hồ, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Thanh Xuân); (2) Cụm du lịch Hà Đông và phụ cận; (3) Cụm du lịch Đông Anh và phụ cận; (4) Cụm du lịch phía Tây (gồm các huyện: Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ); (5) Cụm du lịch phía Nam (gồm các huyện: Mỹ Đức, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thanh Oai, Thường Tín); (6) Cụm du lịch vùng núi phía Bắc (huyện Sóc Sơn).

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Phát triển các dự án du lịch quy mô lớn, mang tính chiến lược có vai trò dẫn dắt, liên kết các hoạt động du lịch trong vùng và khu vực.

(3) Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm:

- Thủ đô Hà Nội là trung tâm tài chính quốc gia, hướng tới phát triển các dịch vụ tài chính mang tầm khu vực và quốc tế.

- Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm toàn diện, hiện đại, gắn với phát triển Trung tâm giao dịch hàng hóa trong nước và quốc tế, trên cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tốc độ cao, an toàn bảo mật, hệ sinh thái chuyển đổi số mạnh mẽ, kết nối đa phương tiện, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ tài chính thông minh.

- Phát triển trung tâm tài chính - ngân hàng tại khu vực quận Hoàn Kiếm. Sau năm 2030, hình thành thêm tổ hợp trung tâm tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ quốc tế trên trục Nhật Tân - Nội Bài.

(4) Dịch vụ logistics:

- Phát triển dịch vụ logistics theo hướng văn minh, hiện đại, có chất lượng cao, hoạt động hiệu quả, trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến. Phát triển hạ tầng logistics đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng thương mại - dịch vụ.

- Phát triển hệ thống logistics, trung tâm phân phối hàng hóa tại các vùng kinh tế - xã hội Hà Nội; hình thành 05 trung tâm logistics tập trung quy mô lớn, gồm: (i) Trung tâm logistics Bắc Hà Nội, gắn với sân bay Nội Bài và khu vực phía Bắc thành phố; (ii) Trung tâm logistics Nam Hà Nội gắn với ga đường sắt Ngọc Hồi; (iii) Trung tâm logistics định hướng tại khu vực Phú Xuyên, gắn với cảng hàng không phía Nam vùng Thủ đô; (iv) Trung tâm logistics đường bộ gắn với cảng ICD Gia Lâm; (v) Trung tâm logistics đường thủy nội địa tại Giang Biên, Long Biên, gắn với khai thác tuyến giao thông đường thủy.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng các trung tâm logistics có quy mô phù hợp, dịch vụ đồng bộ, hiện đại, thuận tiện kết nối với các đầu mối, tuyến giao thông lớn, các điểm tập kết hàng hóa, các khu vực sản xuất tập trung; chú trọng phát triển hệ thống kho bãi chuyên dụng.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

b) Công nghiệp và xây dựng

Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về phát triển công nghiệp công nghệ cao, có sức cạnh tranh cao, tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị và mạng lưới phân phối toàn cầu. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tập trung vào các ngành ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, tuần hoàn, phát thải các - bon thấp, giữ vai trò dẫn dắt trong các chuỗi liên kết phát triển trên các hành lang công nghiệp nội vùng và liên vùng.

- Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm hàng đầu vùng đồng bằng sông Hồng về phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, cơ khí chính xác và tự động hóa, thiết bị điện tử, vật liệu mới, vật liệu kỹ thuật công nghệ cao, chế biến dược liệu, hóa dược, mỹ phẩm, công nghệ sinh học và chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ cao; tham gia sâu vào chuỗi liên kết phát triển các hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Dương - Quảng Ninh; Hà Nội - Vĩnh Phúc - Phú Thọ, Hà Nội - Lạng Sơn. Tăng cường phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp ưu tiên, có thế mạnh của Hà Nội và có tác động lan tỏa tới các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

- Phát triển các nghề truyền thống, hình thành không gian giới thiệu sản phẩm làng nghề gắn với thu hút du lịch và quảng bá sản phẩm ra thị trường quốc tế.

- Tổ chức không gian phát triển ngành công nghiệp:

+ Khu vực đô thị trung tâm: Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp không phù hợp với quy hoạch ra ngoài đô thị trung tâm để ưu tiên dành mặt bằng cho phát triển không gian công cộng, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo; hình thành các trung tâm giới thiệu các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghiệp dược phẩm.

+ Khu vực phía Tây Thủ đô (gồm thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất và Chương Mỹ): Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, ưu tiên công nghiệp vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; công nghiệp dược phẩm; công nghệ điện tử; chế tạo máy móc, cơ khí chính xác; vật liệu mới và vật liệu xây dựng cao cấp.

+ Khu vực phía Nam Thủ đô (gồm các huyện: Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hoà và Mỹ Đức): Ưu tiên phát triển công nghiệp sinh học phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao gắn với các vùng nguyên liệu; các ngành công nghiệp hỗ trợ; cơ khí chế tạo, công nghiệp đường sắt gắn với trung tâm dịch vụ hậu cần vận tải đường sắt khu vực Ngọc Hồi.

+ Khu vực phía Bắc Thủ đô (gồm các huyện: Đông Anh, Mê Linh và Sóc Sơn): Ưu tiên phát triển các ngành công nghệ thông tin, điện tử, cơ khí chế tạo; vật liệu mới; công nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động phân phối, đóng gói, bảo quản và logistics; chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao; các ngành công nghiệp hỗ trợ hàng không.

- Phát triển ngành xây dựng trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật có sức cạnh tranh cao, là trung tâm đi đầu trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, thiết kế công trình và các giải pháp công trình kỹ thuật cao và kiến trúc đặc sắc có giá trị, quản lý dự án, thi công các công trình quy mô lớn, yêu cầu trình độ kỹ thuật, công nghệ xây dựng cao. Là trung tâm đi đầu trong nghiên cứu, sử dụng vật liệu xây dựng mới tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, ứng dụng các giải pháp thông minh trong phát triển đô thị. Phát triển đa dạng, cân đối các phân khúc nhà ở, tạo những mẫu hình nơi cư trú có chất lượng cuộc sống cao, tạo nhiều cơ hội việc làm.

c) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước và dẫn dắt nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng về phát triển các sản phẩm nông nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ cao, các mô hình nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp thông minh.

- Phát triển các vùng nông nghiệp thực nghiệm gắn với các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để sản xuất giống cây trồng vật nuôi, áp dụng các quy trình kỹ thuật mới tại khu vực các huyện: Gia Lâm, Phú Xuyên, Thường Tín, Ứng Hòa, Hoài Đức, Phúc Thọ để cung cấp giống cây, con cho nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Phát triển sản phẩm cây trồng, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất đặc thù ở huyện Ba Vì, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tạo các sản phẩm có chất lượng và giá trị thương mại cao.

- Phát triển nông nghiệp đan xen trong các vùng đô thị, bảo tồn các vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của Hà Nội như sen Tây Hồ, đào Nhật Tân, quất Tứ Liên, cam Canh, bưởi Diễn, hoa Tây Tựu, hoa Mê Linh... để

giữ gìn các giá trị và hình ảnh truyền thống Hà Nội xưa, tạo cảnh quan môi trường, gia tăng giá trị đô thị. Phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp tạo không gian sinh thái nghỉ ngơi, tham quan, thư giãn, trải nghiệm cho người dân Thủ đô và du khách.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái tại các vùng bãi sông Hồng, sông Đáy, phát triển mô hình nông nghiệp hữu cơ với sản phẩm sạch, chất lượng cao, hình thành vành đai xanh tại các huyện: Thường Tín, Phú Xuyên, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thạch Thất, Phúc Thọ, Sóc Sơn và thị xã Sơn Tây.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng tuần hoàn, bảo vệ môi trường, an toàn dịch bệnh; nâng cao chất lượng đàn vật nuôi thương phẩm. Phát triển các khu chăn nuôi tập trung, liên kết chăn nuôi theo chuỗi khép kín; giảm dần và tiến tới xóa bỏ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả mặt nước, chuyển đổi diện tích đất vùng thấp, trũng sang nuôi trồng thủy sản kết hợp tạo cảnh quan.

- Quản lý, khai thác giá trị rừng để phát triển du lịch theo quy định. Khai thác các tiềm năng sinh thái và khí hậu đặc thù của rừng quốc gia Ba Vì, nghiên cứu, hình thành vùng bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp tham quan động vật hoang dã, du lịch nghỉ dưỡng. Tăng cường trồng cây lâm nghiệp đô thị, phát triển mô hình rừng trong phố.

d) Kinh tế số

- Phát triển kinh tế số là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội nhanh, hiện đại và hiệu quả. Ưu tiên, tạo điều kiện phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử, trung tâm dữ liệu, các loại hình dịch vụ như: điện toán đám mây, IoT, dữ liệu lớn (Bigdata)... phù hợp với định hướng phát triển của Thủ đô.

- Phát triển công nghiệp ICT: Hình thành một số khu công nghệ thông tin tập trung; phát triển công nghiệp phần cứng, phần mềm, điện tử - viễn thông; ưu tiên phát triển dịch vụ công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực có lợi thế của Thủ đô.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Văn hóa

Phát huy mọi nguồn lực để phát triển văn hóa Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm văn hiến; xây dựng Hà Nội là trung tâm hội tụ, kết tinh và lan tỏa các giá trị văn hóa lớn và tiêu biểu của cả nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, các thành tựu văn hóa thời đại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển bền vững Thủ đô. Phát triển toàn diện các ngành công nghiệp văn hóa cả về quy mô, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thị trường, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có sức cạnh tranh cao. Xây dựng thương hiệu một số sản phẩm văn hóa đặc trưng của Thủ đô. Phát triển các thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quá trình đô thị hóa và đáp ứng nhu cầu của mọi người dân.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tăng cường kết nối các tiểu vùng văn hóa của Thủ đô. Tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để người dân thụ hưởng, sáng tạo các giá trị văn hóa.

- Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, ưu tiên các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia. Nghiên cứu, đề xuất một số không gian văn hóa, di sản văn hóa có giá trị đặc biệt tiêu biểu đề nghị UNESCO ghi danh di sản thế giới như: khu di tích Cổ Loa, quần thể di tích và danh thắng Hương Sơn, di tích cầu Long Biên và phố cổ, thành cổ Sơn Tây, làng cổ Đường Lâm, hệ thống di tích Hai Bà Trưng dọc theo tuyến sông Hồng... Giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm, xâm hại di tích lịch sử văn hóa.

- Nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị của các nhà hát nghệ thuật truyền thống; xây mới một số công trình là trung tâm biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp. Phát triển, khai thác có hiệu quả hệ thống bảo tàng, thư viện, rạp chiếu phim, trường quay... thành không gian văn hóa - sáng tạo. Phát triển mạng lưới quảng trường, công viên, không gian công cộng phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân và khách du lịch. Di dời, chuyển đổi công năng trụ sở một số bộ, ngành, cơ sở sản xuất để mở rộng không gian văn hóa sáng tạo, không gian công cộng, xây dựng Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam. Phát triển mạng lưới thư viện công cộng rộng khắp, linh hoạt, phù hợp các địa bàn dân cư; đẩy mạnh thư viện số có khả năng kết nối, liên thông với mọi loại hình thư viện. Khuyến khích thành lập các bảo tàng, thư viện tư nhân. Thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa trên cơ sở các khu phố, tuyến phố, làng nghề, điểm dân cư nông thôn hiện hữu.

- Hình thành không gian văn hóa sông Hồng trên cơ sở xây dựng con đường di sản dọc hai bên sông để tái hiện lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, giới thiệu cảnh quan thiên nhiên từ mọi miền của Tổ quốc. Nghiên cứu phát triển các công viên chuyên đề, không gian văn hóa, sáng tạo, nghệ thuật, giải trí và du lịch tại các bãi sông Hồng và khu vực khác có lợi thế.

- Hình thành các không gian tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, triển lãm quốc gia và quốc tế theo định hướng mô hình đại lộ - quảng trường trên trục Hồ Tây - Cổ Loa; xây dựng công viên di sản tại không gian văn hóa Cổ Loa.

- Phát triển các không gian văn hóa: khu vực phố cổ, phố nghề kết nối khu vực cầu Long Biên lịch sử; khu vực Hoàng thành Thăng Long kết nối khu trung tâm hành chính, chính trị đặc biệt Ba Đình và khu vực hồ Tây; không gian lịch sử - văn hóa Cổ Loa; không gian văn hóa đền Hát Môn (huyện Phúc Thọ) kết nối đền Hai Bà Trưng (huyện Mê Linh); không gian văn hóa xứ Đoài (thị xã Sơn Tây và vùng phụ cận); không gian văn hóa và danh thắng Hương Sơn (huyện Mỹ Đức); Thăng Long tứ trấn; không gian văn hóa tại các làng cổ và làng nghề truyền thống. Xây dựng công viên di sản văn hóa danh nhân Tô Hiến Thành; nghiên cứu phục hồi các di sản văn hóa về vùng đất Ô Diên cổ, huyện

Đan Phượng. Nghiên cứu bảo tồn tuyến đường sắt kết nối khu vực phố cổ với ga Long Biên. Phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số tại các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức.

- Ứng dụng công nghệ số phục dựng các di tích lịch sử, di sản văn hóa trong môi trường số và không gian thực tế ảo. Thực hiện số hóa và lập bản đồ số các di tích được xếp hạng, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về văn hóa, nghệ thuật, bảo đảm kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

- Tổ chức đăng cai thường niên các sự kiện nghệ thuật biểu diễn quốc tế, phân đầu đưa một số sự kiện văn hóa, nghệ thuật của Thủ đô trở thành các thương hiệu mang tầm khu vực và quốc tế.

- Huy động nguồn lực xã hội, có cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, vận hành, khai thác các công trình văn hóa, thể thao của thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Phát triển đồng bộ, toàn diện lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe theo hướng tiên tiến, hiện đại, hiệu quả, chủ động dự phòng từ sớm, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân, thích ứng với quá trình già hóa dân số và nhu cầu du lịch khám bệnh, chữa bệnh, phục vụ trong nước và quốc tế.

- Phát huy vai trò là trung tâm y tế lớn của cả nước, phát triển các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới, phát triển một số lĩnh vực chuyên sâu có trình độ tiệm cận với các nền y học tiên tiến, hàng đầu thế giới. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, quản trị y tế thông minh, khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và phát triển mạng lưới y tế dự phòng, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh đặc biệt nguy hiểm, dịch bệnh mới phát sinh. Đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội ngang tầm khu vực.

- Xây dựng 05 tổ hợp công trình y tế chất lượng cao tầm cỡ quốc gia, quốc tế gồm: (1) Tổ hợp công trình y tế Phú Xuyên là Trung tâm y tế vùng; (2) Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn; (3) Tổ hợp công trình y tế Hòa Lạc; (4) Tổ hợp công trình y tế tại Sơn Tây; (5) Tổ hợp công trình y tế tại Gia Lâm.

- Đầu tư, phát triển một số bệnh viện đảm nhận chức năng vùng như: Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn, Bệnh viện đa khoa Thanh Nhàn, Bệnh viện Ung bướu Hà Nội, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Bệnh viện Tim Hà Nội...

- Xây mới các bệnh viện chuyên khoa để trở thành bệnh viện cấp chuyên sâu: Bệnh viện Mắt thành phố, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hà Nội...

Mở rộng, xây dựng cơ sở 2 một số bệnh viện: Bệnh viện Thận, Bệnh viện Xanh Pôn, Bệnh viện Ung bướu...

- Huy động nguồn lực, ưu tiên xây mới một số bệnh viện đa khoa ở vị trí cửa ngõ Thủ đô: Bệnh viện đa khoa khu vực phía Đông (Gia Lâm); Bệnh viện đa khoa khu vực phía Tây (Thạch Thất); Bệnh viện đa khoa khu vực phía Nam (Ứng Hòa).

- Nâng cấp, cải tạo các bệnh viện, cơ sở y tế hiện có, bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi của người dân đối với các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là tại các khu vực có mật độ dân số đông. Đầu tư hệ thống bệnh viện tại các quận/huyện thành bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh; nâng cấp các trung tâm y tế quận/huyện bảo đảm đủ năng lực đáp ứng theo quy định.

- Di chuyển các cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm, có mức độ lây nhiễm cao ra khỏi nội đô; ưu tiên dành quỹ đất phát triển đồng bộ các cơ sở nghiên cứu - đào tạo - khám chữa bệnh chất lượng cao. Tiếp nhận một số bệnh viện của các bộ, ngành đóng trên địa bàn.

- Bố trí quỹ đất cho các cơ sở y tế cấp quốc gia do Bộ Y tế quản lý và cơ sở y tế ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm thành phố Hà Nội trở thành Trung tâm kiểm nghiệm vùng đồng bằng sông Hồng; phát triển chuyên môn sâu trong lĩnh vực kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hoàn thiện Trung tâm Giám định y khoa thành phố để thực hiện tốt chức năng chuyên trách về giám định y khoa theo quy định.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, khuyến khích phát triển cơ sở y tế ngoài công lập, hình thành hệ thống y tế tư nhân chất lượng cao; phát triển mô hình bác sĩ gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

c) Giáo dục và đào tạo

Thủ đô Hà Nội là trung tâm hàng đầu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn và liên thông quốc tế. Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo toàn diện gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội và cả nước, đáp ứng những tiến bộ khoa học công nghệ; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo; mở rộng quy mô trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả, cân đối về cơ cấu ngành nghề, trình độ; gắn kết đào tạo với sử dụng; xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người được tiếp cận giáo dục, học tập suốt đời.

- Phát triển đa dạng các loại hình giáo dục mầm non đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với mọi độ tuổi theo chuẩn quốc gia và quốc tế. Phát triển giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc tế; đột phá trong phát triển giáo dục thông minh, giáo dục có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại, chất lượng cao.

- Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp và hạ tầng, cơ sở vật chất bảo đảm kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, tiên tiến đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; giải quyết triệt để tình trạng thiếu trường, lớp. Xây dựng trường mầm non, trường phổ thông phù hợp với quy mô, khả năng tiếp cận của người học, chú trọng các địa bàn đông dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp... Ưu tiên sử dụng quỹ đất sau khi di dời các nhà máy, trụ sở, trường đại học theo quy định để xây dựng các trường phổ thông. Phát triển các trường học gắn với các dự án tái thiết đô thị theo mô hình phát triển đô thị gắn theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Ưu tiên dành quỹ đất để phát triển dịch vụ giáo dục cho các cấp học tại khu vực ngoại thành.

- Bảo đảm mỗi xã/phường/thị trấn có trường mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở phù hợp với nhu cầu thực tế; phân bố các trường trung học phổ thông phù hợp với nhu cầu người học tại các khu vực dân cư; ưu tiên tại các quận đang thiếu trường học như: Cầu Giấy, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân. Phát triển trường có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại tại những nơi có điều kiện kinh tế phát triển. Xây dựng hệ thống trường chất lượng cao theo tiêu chuẩn trường quốc tế tại khu vực phía Bắc Thủ đô.

- Phát triển giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng các dịch vụ giáo dục của nhóm yếu thế; xây mới trung tâm giáo dục hòa nhập, chuyên biệt. Khuyến khích xây dựng trường phổ thông chuyên biệt.

- Phát triển giáo dục đại học bảo đảm về chất lượng, hợp lý về quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo; khuyến khích các ngành khoa học công nghệ (STEM), các chương trình đào tạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trên địa bàn và cả nước.

- Thực hiện di dời cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ra khỏi khu vực nội đô ra các khu đô thị vệ tinh, hình thành các cụm đại học có hệ thống hạ tầng chung đồng bộ, hiện đại tại vùng được quy hoạch của thành phố Hà Nội.

Đối với những cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có diện tích đất, cơ sở vật chất không đáp ứng yêu cầu theo quy định phải di dời toàn bộ, thành phố hỗ trợ xây dựng hạ tầng tại nơi mới và sử dụng cơ sở cũ trong nội đô cho giáo dục phổ thông và mục đích công cộng.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không thuộc diện di dời toàn bộ, thành phố hỗ trợ xây dựng hạ tầng tại cơ sở mới; cơ sở cũ sẽ được sử dụng cho các mục đích: nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, đào tạo sau đại học, đào tạo nghề chất lượng cao, giáo dục phổ thông, không gian công cộng.

- Phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề tiên tiến, hiện đại, đạt chuẩn khu vực Asean-4, phân bố hợp lý trên địa bàn các quận, huyện, thị xã, đáp ứng nhu cầu thị trường. Xây dựng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên cơ sở nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội; 01 trường thực hiện chức năng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; nâng cấp một số trường trung cấp nghề thành trường cao đẳng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; mở rộng tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển giáo dục, đào tạo và phát triển dịch vụ giáo dục, đào tạo chất lượng cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

d) Thể dục, thể thao

- Giữ vững vị trí đứng đầu cả nước về thành tích thể thao tại các kỳ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, đóng góp lớn vào thành tích của Đoàn thể thao quốc gia tham gia các giải khu vực và thế giới. Ưu tiên đầu tư một số môn thể thao thành tích cao có thế mạnh; bảo tồn và phát triển thể thao dân tộc, nhất là tại các khu vực trọng điểm du lịch. Nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

- Nghiên cứu, phát triển loại hình kinh tế thể thao phù hợp với định hướng phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn mới, góp phần thu hút khách du lịch và phát triển các dịch vụ giải trí.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm yêu cầu huấn luyện và thi đấu đối với các cơ sở cấp thành phố. Củng cố, hoàn thiện mạng lưới thiết chế thể thao cơ sở; xây mới, nâng cấp các Trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao cấp huyện đáp ứng yêu cầu hoạt động hiệu quả, bảo đảm có đủ 03 công trình cơ bản là sân vận động, nhà tập luyện, thi đấu thể thao và bể bơi.

- Nghiên cứu chuyển chức năng khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình thành Khu liên hợp thể thao cấp thành phố. Xây dựng mới Khu liên hợp thể thao quốc gia tại phía Bắc sông Hồng đồng bộ, hiện đại, gồm tổ hợp các công trình thi đấu tổng hợp, khu trường đua động vật và đua xe, khu thể thao ngoài trời và thể thao nước... đáp ứng yêu cầu đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật cấp quốc gia và quốc tế; phát triển các hoạt động thể thao có thương hiệu thu hút khách du lịch.

- Rà soát, bổ sung sân gôn tại bãi sông Hồng, sông Đáy trên nguyên tắc bảo đảm dòng chảy thoát lũ, tạo hành lang xanh.

- Phát triển một số khu thể thao đáp ứng yêu cầu luyện tập và thi đấu quốc tế, thể thao quân sự, thể thao điện tử, thể thao địa hình, thể thao học đường và thể thao dân tộc... Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển, khai thác, vận hành các hạ tầng thể dục thể thao.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

đ) Lao động, việc làm, an sinh xã hội

- Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về bảo đảm và nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, bao trùm, bền vững; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống nhân dân. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách và huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo cho người có công, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế, tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh. Thực hiện đầy đủ quyền trẻ em. Thực hiện tốt chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực. Đẩy mạnh chương trình phòng chống tệ nạn xã hội, tiến tới ngăn chặn và đẩy lùi lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, mua bán người...

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội công lập hiện có, đầu tư xây mới một số cơ sở trợ giúp xã hội công lập; xây mới trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần ở khu vực phía Bắc và phía Nam thành phố; khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội. Ưu tiên các khu vực có môi trường sinh thái trong lành, yên bình để đầu tư phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, viện dưỡng lão theo tiêu chuẩn các nước phát triển trong khu vực và quốc tế.

- Khuyến khích xã hội hóa, nghiên cứu xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội kết nối mang tính hệ thống với các cơ quan phúc lợi xã hội, các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, các cơ sở chăm sóc, trợ giúp xã hội khác.

- Tích cực chuyển dịch cơ cấu lao động, điều tiết cung - cầu lao động thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm; nâng cấp, mở rộng hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; hiện đại hóa dịch vụ thị trường lao động, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động việc làm trên địa bàn, kết nối với vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

e) Khoa học và công nghệ

- Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm khoa học công nghệ hàng đầu của quốc gia, ngang tầm với các nước trong khu vực và thế giới; đóng vai trò dẫn dắt trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ khoa học, công nghệ, đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong các ngành, lĩnh vực; thí điểm đầu tư mạo hiểm trong nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường kết nối các cơ quan của thành phố với các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ để phục vụ nhiệm vụ phát triển Thủ đô. Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ. Phát triển sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trọng điểm, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trên cả nước, khu vực và thế giới.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho các khu công nghệ cao trên địa bàn để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới và thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới.

- Hình thành cụm đổi mới sáng tạo của Thủ đô dẫn dắt, liên kết với các cụm đổi mới sáng tạo trong vùng đồng bằng sông Hồng.

- Tập trung đầu tư hình thành trung tâm đào tạo nhân tài, trung tâm chuyển giao công nghệ tiên tiến, trung tâm hợp tác quốc tế về nghiên cứu và đào tạo chất lượng cao, trung tâm phát triển tài sản trí tuệ và trí tuệ nhân tạo.

g) An ninh, quốc phòng, đối ngoại

Đảm bảo tuyệt đối an toàn, giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự xã hội. Chủ động bảo vệ từ sớm, từ xa; giữ vững thế chủ động chiến lược; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường tiềm lực về quốc phòng và an ninh; đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ các cấp; chú trọng xây dựng công trình có tính lưỡng dụng cao. Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Mở rộng hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển, nâng cao vị thế và uy tín của Thủ đô Hà Nội để trở thành thành phố toàn cầu.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức hợp lý các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô Hà Nội theo mô hình: Năm không gian phát triển - Năm hành lang và vành đai kinh tế - Năm trục động lực phát triển - Năm vùng kinh tế, xã hội - Năm vùng đô thị

a) Khai thác, sử dụng đồng bộ, hiệu quả và hợp lý 5 không gian phát triển: (i) Không gian trên cao: chú trọng phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ; (ii) Không gian ngầm dưới mặt đất: chú trọng phát triển hạ tầng kỹ thuật ngầm, giao thông ngầm, thương mại, dịch vụ; (iii) Không gian công cộng: phát triển các công trình công cộng, không gian cây xanh, sân chơi, quảng trường và các sản phẩm văn hóa sáng tạo; (iv) Không gian văn hóa - sáng tạo: chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa, các công trình văn hóa, không gian di tích lịch sử phục vụ người dân và khách du lịch, phát triển dịch vụ văn hóa; (v) Không gian số: thúc đẩy chuyển đổi số và chia sẻ thông tin, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số, công dân số, đô thị thông minh.

b) Các hành lang, vành đai kinh tế Thủ đô được hình thành trên cơ sở các tuyến hành lang kinh tế được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, bao gồm:

(i) Hành lang phía Bắc Thủ đô hình thành trên cơ sở hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Là tuyến hành lang kết nối chủ đạo của vùng động lực phía Bắc, kết nối Thủ đô với các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc với các trung tâm kinh tế, cảng biển Quảng Ninh, Hải Phòng; kết nối và thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư với khu vực Tây Nam Trung Quốc. Hình thành trung tâm logistics phía Bắc, tập trung phát triển thương mại, công nghiệp công nghệ cao, kết nối các tuyến du lịch Thủ đô với vùng văn hóa, lịch sử đất Tổ Vua Hùng tỉnh Phú Thọ, các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc.

(ii) Hành lang kinh tế Đông Bắc Thủ đô gắn với hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Là tuyến hành lang đối ngoại quan trọng của quốc gia, kết nối với Quảng Tây, Trung Quốc. Phát triển công nghiệp công nghệ cao, các dịch vụ logistics hiện đại gắn với cảng thủy nội địa Giang Biên và tuyến đường sắt tốc độ cao Đồng Đăng - Yên Viên - Cái Lân, kết nối các tuyến du lịch Thủ đô với các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng.

(iii) Hành lang kinh tế Bắc - Nam gắn với hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh: Là tuyến hành lang kinh tế có vị trí đặc biệt quan trọng kết nối Thủ đô với các vùng động lực, trung tâm kinh tế lớn, tác động lan tỏa của cực tăng trưởng Thủ đô thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Xây dựng trung tâm logistics cấp vùng, tiến tới cấp quốc gia, phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp hỗ trợ vận tải đường bộ, công nghiệp đường sắt.

(iv) Hành lang kinh tế Tây - Bắc gắn với hành lang kinh tế tỉnh Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; hình thành trung tâm đầu mối nông sản, phát triển chuỗi liên kết cung ứng - tiêu thụ nông sản; kết nối các tuyến du lịch của Thủ đô với các tỉnh Tây Bắc.

(v) Vành đai kinh tế vùng Thủ đô: Hình thành dọc theo các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5 - vùng Thủ đô. Tập trung kết nối phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại và logistics của vùng Thủ đô, kết nối với các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc với các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng.

c) Phát triển năm trục động lực:

(i) Trục sông Hồng: Là trục không gian cảnh quan chủ đạo của Thủ đô, trục kinh tế thương mại, du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng, trục trung tâm nằm giữa đô thị phía Nam và phía Bắc sông Hồng; là trục không gian văn hóa sáng tạo, con đường di sản tái hiện lịch sử, văn hóa, lễ hội, giới thiệu cảnh quan đất nước con người của mọi miền Tổ quốc hai bên sông, kết nối với khu vực hồ Tây và phố cổ, hình thành không gian phát triển kinh tế ban đêm.

(ii) Trục Hồ Tây - Cổ Loa: Là trục không gian kết nối lịch sử và hiện tại, kết nối Cổ Loa với Hoàng thành Thăng Long; là trục đại lộ - quảng trường, cầu vượt sông và các công trình kiến trúc mang tính biểu tượng của Thủ đô.

(iii) Trục Nhật Tân - Nội Bài: Là trục động lực kinh tế phía Bắc Thủ đô Hà Nội, là trục đô thị thông minh, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối Thủ đô Hà Nội và Việt Nam ra thế giới; nơi thu hút các tổ chức quốc tế, các tập đoàn lớn nước ngoài đặt trụ sở; là trung tâm tài chính, ngân hàng phía Bắc Thủ đô; là trung tâm tổ chức các hội chợ triển lãm, thương mại mang tầm khu vực và quốc tế.

(iv) Trục Hồ Tây - Ba Vì: Là trục di sản văn hóa, kết nối trung tâm văn hóa khu vực Hồ Tây và vùng văn hóa Xứ Đoài; kết nối trung tâm Thủ đô với các khu di tích lịch sử cách mạng. Tập trung phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng. Xây dựng các công trình văn hóa mang tính biểu tượng thời kỳ mới của Thủ đô Hà Nội và đất nước.

(v) Trục phía Nam: Là trục kết nối giữa đô thị trung tâm với khu vực dự kiến hình thành sân bay thứ hai vùng Thủ đô, thúc đẩy sự phát triển vùng huyện Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức; là trục kết nối di sản Thăng Long - Hoa Lư, gắn với vùng di tích Hương Sơn - Tam Chúc - Bái Đính, khu vực di tích lịch sử, văn hóa nhà Trần tỉnh Nam Định; kết nối với các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng và các tỉnh động lực phía Bắc vùng duyên hải miền Trung.

d) Phát triển năm vùng kinh tế - xã hội

- Vùng Trung tâm: gồm 2 khu vực:

+ Khu vực nội đô lịch sử: Ưu tiên các hoạt động phục vụ khu vực hành chính quốc gia; khai thác, phát huy giá trị của di sản văn hóa, lịch sử, phát triển công nghiệp văn hóa, các hoạt động du lịch, dịch vụ và phát triển kinh tế đêm.

+ Khu vực đô thị trung tâm và đô thị trung tâm mở rộng tại phía Nam sông Hồng: Phát triển kinh tế đô thị tổng hợp; là trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khu vực nội đô.

- Vùng phía Đông (gồm các quận/huyện Long Biên, Gia Lâm và phần đô thị của huyện Đông Anh): Đóng vai trò cửa ngõ kết nối Thủ đô với các tỉnh tiểu vùng phía Bắc vùng đồng bằng sông Hồng; trung tâm thương mại và đầu mối trung chuyển; trung tâm tài chính của Thủ đô.

- Vùng phía Nam: (gồm các huyện Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Thanh Oai, Mỹ Đức): Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm sản xuất cây, con giống; hình thành trung tâm logistics phía Nam của Thủ đô; phát triển công nghiệp phụ trợ giao thông, vận tải và công nghiệp đường sắt.

- Vùng phía Tây: (gồm các huyện Phúc Thọ, Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây): Trung tâm giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao của Thủ đô và cả nước; phát triển du lịch văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng phía Bắc: (gồm huyện Sóc Sơn và Mê Linh và một phần huyện Đông Anh): Trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ logistics gắn với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và các tuyến đường bộ, đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng; khai thác giá trị của hệ sinh thái rừng, địa hình đồi núi, cảnh quan đẹp thuận lợi phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các hoạt động thể thao quốc tế.

đ) Phát triển năm vùng đô thị, gồm: (i) vùng đô thị Trung tâm; (ii) vùng thành phố phía Tây; (iii) vùng thành phố phía Bắc; (iv) vùng đô thị phía Nam; (v) vùng đô thị Sơn Tây - Ba Vì.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Giai đoạn đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có tính lịch sử truyền thống, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

Phạm vi, ranh giới, tên địa lý, phương án sắp xếp cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch Thủ đô Hà Nội và sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Phương hướng phát triển

- Phát triển đô thị Hà Nội mang bản sắc riêng của Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, là hình mẫu đi đầu trong phát triển đô thị xanh, thông minh, tuần hoàn, hạ tầng đồng bộ, hiện đại; tạo lập môi trường sống văn minh, có sức

hút đầu tư và tạo việc làm, phát triển bền vững. Phát triển không gian đô thị kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng an toàn và hiệu quả không gian ngầm, bảo đảm sử dụng tiết kiệm đất, bảo vệ môi trường và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng.

- Bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang khu vực nội đô lịch sử, khu vực thành cổ Sơn Tây, các khu phố cổ, phố cũ gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nhằm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch bền vững. Rà soát, lên phương án cải tạo, chỉnh trang các khu chung cư cũ, các khu nhà ở thấp tầng tự xây trong khu vực nội đô thành các khu đô thị mới hiện đại có dịch vụ đồng bộ, môi trường sống văn minh.

- Phát triển mô hình đô thị TOD tại các khu vực có ga đường sắt để mở rộng không gian phát triển, tạo lập không gian sống tiện ích, hiện đại, có hạ tầng dịch vụ đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Phát triển mở rộng đô thị khu vực phía Bắc sông Hồng để tạo không gian đô thị cân đối, hài hòa hai bên sông, phát triển trục sông Hồng thành trục cảnh quan trung tâm, là không gian văn hóa kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch và nghỉ dưỡng.

- Hình thành mô hình thành phố trong Thủ đô để tạo các cực tăng trưởng, động lực phát triển mới, thúc đẩy sự phát triển lan tỏa và hài hòa giữa đô thị và nông thôn, tạo lập những thể chế đặc thù để khai thác những tiềm năng, lợi thế riêng có tại mỗi khu vực.

b) Phát triển hệ thống đô thị

Hệ thống đô thị Thủ đô Hà Nội được tổ chức theo mô hình chùm đô thị gồm đô thị trung tâm, các trục đô thị hướng tâm, các thành phố trong Thủ đô.

- Khu vực đô thị trung tâm, gồm khu vực nội đô lịch sử và các khu vực liền kề:

- + Khu vực nội đô lịch sử: Thực hiện bảo tồn, tôn tạo, chỉnh trang các khu vực phố cổ, phố cũ có giá trị kiến trúc để kiến tạo không gian phục vụ phát triển văn hóa, du lịch và kinh tế ban đêm.

- + Khu vực nội đô hiện hữu ngoài khu vực bảo tồn: Cải tạo, tái thiết các khu chung cư cũ, khu nhà ở không bảo đảm an toàn thành các khu đô thị văn minh, hiện đại thông qua mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD), mô hình điều chỉnh đất đai...

- + Khu vực đô thị trung tâm mở rộng: Hình thành các đô thị mới theo mô hình TOD kết hợp phát triển các mô hình đô thị 15 phút; phát triển đô thị sinh thái, chú trọng không gian công cộng, công viên cây xanh, mặt nước, hạn chế mô hình nhà ở phân lô thấp tầng.

- Nghiên cứu hình thành mô hình thành phố trong Thủ đô, bao gồm cả khu vực đô thị và nông thôn được quản lý và phát triển theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn đặc thù của đô thị Hà Nội. Trước mắt hình thành thành phố phía Bắc và thành phố phía Tây:

+ Thành phố phía Bắc (vùng Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh): là đô thị dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao, kết nối quốc tế. Có cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội để phát triển các mô hình đô thị xanh, hiện đại, thu hút các tập đoàn lớn đặt trụ sở, thu hút người có khả năng chi trả cao đến cư ngụ.

+ Thành phố phía Tây (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai): là đô thị khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia gắn với Khu công nghệ cao Hoà Lạc. Phát triển đô thị sinh thái, hiện đại, có các dịch vụ công cộng đồng bộ, chất lượng cao, tạo môi trường hấp dẫn, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu đến sinh sống, làm việc.

- Nghiên cứu, hình thành thành phố tại khu vực Sơn Tây, Ba Vì: là thành phố văn hóa, du lịch và thành phố phía Nam tại khu vực Phú Xuyên, Thường Tín: là thành phố công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển các thị trấn huyện lỵ theo mô hình đô thị sinh thái, cung cấp các điều kiện sản xuất, việc làm, dịch vụ công cộng chất lượng cao, nhà ở sinh thái để thu hút dân cư trong vùng nông thôn và hỗ trợ chia sẻ các chức năng với đô thị trung tâm, trở thành trung tâm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng huyện và liên huyện.

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Xây dựng nông thôn hiện đại, tiệm cận các tiêu chuẩn đô thị, nhất là hệ thống hạ tầng, bảo vệ môi trường và không gian sống; khai thác hiệu quả giá trị cảnh quan thiên nhiên, kết hợp gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của vùng đồng bằng sông Hồng.

- Phát triển nông thôn theo ba mô hình tiêu biểu:

+ Mô hình nông thôn truyền thống, không nằm trong vùng đô thị hóa: Bảo tồn, tôn tạo các công trình, không gian văn hóa truyền thống, đường làng, ngõ xóm, kiến trúc nhà ở và cảnh quan sân, vườn, ao hồ kết hợp xây dựng mới hạ tầng kết nối làng xã với hệ thống hạ tầng khung của thành phố;

+ Mô hình nông thôn nằm trong vùng đô thị hóa: Xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn đô thị, kết nối với hạ tầng các khu đô thị mới; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mật độ xây dựng, kiến trúc công trình; bảo vệ tôn tạo các công trình, không gian văn hóa làng xã truyền thống.

+ Mô hình nông thôn làng cổ, làng nghề: Bảo tồn, tôn tạo làng cổ thành không gian văn hóa, lịch sử phát triển du lịch; phát triển các cụm công nghiệp làng nghề bảo đảm tiêu chuẩn môi trường để tách các hoạt động sản xuất ra khỏi khu sinh sống, hình thành không gian giới thiệu, trình diễn sản phẩm làng nghề, thu hút du khách tham quan.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu công nghệ cao

- Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc đồng bộ, hiện đại, đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại quận Bắc Từ Liêm.

- Đưa vào hoạt động Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu Công viên công nghệ thông tin Hà Nội tại quận Long Biên, thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất và phân phối phần mềm, dịch vụ dữ liệu.

- Phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các huyện đáp ứng quy mô diện tích, điều kiện tự nhiên để phục vụ nghiên cứu và phát triển giống, các quy trình, giải pháp kỹ thuật chuyển giao công nghệ mới.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

- Phát triển các khu công nghiệp theo định hướng mô hình khu công nghiệp công nghệ cao và khu công nghiệp sinh thái; phát triển một số khu công nghiệp công nghệ cao gắn với khởi nghiệp sáng tạo. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, vốn đầu tư lớn, nhu cầu về diện tích đất thấp, có quy mô sử dụng lao động phù hợp, có liên kết, hợp tác chuyển giao công nghệ.

- Phát triển 23 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch đã được phê duyệt khoảng 3.166 ha (gồm: 12 khu công nghiệp đã thành lập và đang hoạt động; 06 khu công nghiệp tiềm năng đã có trong quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020, tiếp tục quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; 05 khu công nghiệp tiềm năng, quy hoạch mới giai đoạn 2021 - 2030); phấn đấu tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp toàn thành phố đạt 65 - 70%.

- Nhu cầu tổng diện tích khu công nghiệp tăng thêm của thành phố khoảng 2.670 ha (khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ và các quy định pháp luật khác có liên quan).

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

- Phát triển cụm công nghiệp phục vụ lộ trình di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong khu vực đô thị, khu dân cư, phát triển làng nghề; bảo đảm yêu cầu cụm công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp gắn với làng nghề, hình thành không gian văn hóa giới thiệu, quảng bá, kinh doanh sản phẩm, kết hợp phát triển du lịch và các cụm công nghiệp theo hướng sạch, công nghệ cao, sinh thái, tuần hoàn.

- Quy hoạch và phát triển 71 cụm công nghiệp (bao gồm 32 cụm công nghiệp đã thành lập, tiếp tục mở rộng diện tích; 39 cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 được chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2030).

- Tiếp tục phát triển mới 54 cụm công nghiệp tiềm năng khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm sử dụng nguồn lực đất đai tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất, gắn liền với bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

4. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

- Phát triển một số khu nghiên cứu, đào tạo tập trung, có hạ tầng đồng bộ, các dịch vụ hỗ trợ hiện đại, hình thành các khu, cụm đại học tại các khu vực đô thị ngoài trung tâm, thu hút các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ... dịch chuyển các hoạt động đào tạo, giảm tập trung tại khu vực đô thị trung tâm.

- Trước mắt ưu tiên hình thành các mô hình đô thị đại học và khoa học công nghệ tại khu vực Hòa Lạc, Sơn Tây và khu vực đô thị phía Nam.

5. Phương án phát triển khu du lịch

- Đầu tư phát triển các khu du lịch dịch vụ tổng hợp kết hợp vui chơi giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng... tạo đột phá cho phát triển du lịch Thủ đô.

- Nghiên cứu, lựa chọn địa điểm phù hợp trên địa bàn các huyện: Ba Vì, Đông Anh, thị xã Sơn Tây để phát triển các khu dịch vụ tổng hợp phục vụ đón tiếp khách của Đảng, Nhà nước.

- Nghiên cứu, xây dựng các trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với phát triển du lịch trên địa bàn các quận, huyện, thị xã.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

6. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Khu liên hợp thể thao Mỹ Đình. Xây dựng mới Khu liên hợp thể thao quốc gia tại phía Bắc sông Hồng (gồm: khu thi đấu tổng hợp tại huyện Đông Anh, khu trường đua tại Sóc Sơn, khu ngoài trời và thể thao nước tại huyện Mê Linh) đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đăng cai tổ chức các sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật cấp quốc gia và quốc tế.

- Đầu tư một số khu thể thao đáp ứng yêu cầu luyện tập và thi đấu quốc tế, phục vụ phát triển thể thao quân sự, thể thao điện tử, thể thao địa hình...

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

7. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, khu di tích quốc gia đặc biệt Cổ Loa; nghiên cứu, xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền tại xã Cổ Loa, huyện Đông Anh; kết hợp với ứng dụng công nghệ số tái hiện lịch sử.

- Bảo tồn, tôn tạo khu vực phố cổ, lưu giữ không gian khu vực 36 phố phường xưa và các khu phố có giá trị kiến trúc, văn hóa, lịch sử. Nghiên cứu, lựa chọn một khu chung cư cũ điển hình, một khu dân cư có nhiều ngõ, ngách nhỏ để trùng tu, cải tạo lưu giữ, ghi lại dấu ấn của các thời kỳ phát triển nhằm phục vụ tham quan, du lịch. Nghiên cứu, phục dựng, tái hiện một phần không gian làng Ngọc Hà, hồ Chiến thắng B52, di tích chiến tranh phố Khâm Thiên.

- Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phục dựng các làng cổ, làng nghề truyền thống, kết hợp hài hòa với khai thác không gian văn hóa đặc trưng xứ Đoài để phát triển du lịch.

- Bảo tồn cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học tại khu vực hồ Quan Sơn - Tuy Lai, Hồ Tây, hồ Đồng Mô..., các khu bảo tồn cấp quốc gia, cấp thành phố gắn với phát triển du lịch. Bảo vệ vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng có giá trị lịch sử của Thủ đô như: quýt Tứ Liên, đào Nhật Tân, sen Tây Hồ, cam Canh, bưởi Diễn, hoa Tây Tựu, hoa Mê Linh... Ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học, kết hợp phát triển du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học tại Vườn quốc gia Ba Vì.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII và Phụ lục XXII kèm theo)

8. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Ưu tiên phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị để gìn giữ các sản phẩm đặc trưng, truyền thống của Hà Nội tại Tây Hồ, Long Biên, Hoàng Mai, Bắc Từ Liêm, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng, Mê Linh, Sơn Tây...

- Hình thành các vùng sản xuất lúa chuyên canh (tại một số huyện: Sóc Sơn, Ba Vì, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Chương Mỹ...); các vùng sản xuất rau (tại một số huyện: Gia Lâm, Mê Linh, Đông Anh, Thường Tín, Chương Mỹ...); các vùng chuyên trồng hoa, cây cảnh (tại một số huyện: Mê Linh, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Sơn Tây, Chương Mỹ...); các vùng chuyên trồng cây ăn quả (tại một số huyện: Phúc Thọ, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ba Vì, Thanh Trì, Thường Tín, Sơn Tây...); các vùng sản xuất chè tập trung (tại một số huyện: Sóc Sơn, Chương Mỹ, Quốc Oai, Ba Vì...); vùng trồng cây dược liệu (tại một số huyện Thạch, Thát, Ba Vì, Sơn Tây, Mỹ Đức, Sóc Sơn...).

- Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung theo hướng công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, cách biệt với khu dân cư (tại một số huyện: Phú Xuyên, Phúc Thọ, Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai, Ứng Hòa...); vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (tại một số huyện: Ứng Hòa, Phú Xuyên, Ba Vì, Chương Mỹ, Phúc Thọ, Sơn Tây...).

9. Phương án phát triển khu quân sự, an ninh

- Bố trí các khu vực quốc phòng, an ninh bảo đảm nguyên tắc giữ vững thế trận phòng thủ, bảo vệ được các địa hình, các công trình phòng thủ có giá trị, sẵn sàng triển khai lực lượng khi có tình huống tác chiến, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ

các cấp theo Quy hoạch Thế trận quân sự khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội; có phương án sử dụng các công trình có tính lưỡng dụng cao sẵn sàng động viên, huy động sử dụng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Quy hoạch bố trí, đầu tư, nâng cấp cải tạo, mở rộng các công trình, cơ quan, trụ sở của các lực lượng công an cấp thành phố, quận, huyện, phường, xã tại những vị trí trọng yếu, thuận lợi trong công tác bảo đảm an ninh trật tự phù hợp theo Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng và Quy hoạch sử dụng đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

10. Phương án phát triển khu vực khó khăn

- Nghiên cứu, xây dựng xã đảo Minh Châu, huyện Ba Vì thành không gian du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí tiêu biểu, đặc sắc.

- Tăng cường nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng đồng bộ, giao thông kết nối khu vực khó khăn với các khu vực phát triển kinh tế năng động để khai thác tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội tại một số khu vực: xã An Phú (huyện Mỹ Đức), Tản Lĩnh (huyện Ba Vì), xã đảo Minh Châu (huyện Ba Vì)... Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm; phát triển các hoạt động du lịch, dịch vụ gắn với bảo vệ, phát triển rừng.

- Ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục, các trạm y tế, các cơ sở văn hóa, thể thao. Chú trọng hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với điều kiện sản xuất; phát triển các ngành nghề mới gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa, cảng cạn, cảng hàng không thực hiện theo Quy hoạch tổng thể quốc gia và các Quy hoạch ngành quốc gia.

a) Về đường bộ

- Hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc; nâng cấp, cải tạo các tuyến cao tốc hướng tâm hiện có, ưu tiên nâng cấp, mở rộng cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua thành phố; xây mới các tuyến vành đai.

- Xây mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ trong phạm vi vành đai 4 đạt tiêu chuẩn đường đô thị. Xây dựng, hoàn thiện các trục giao thông đô thị; khép kín các tuyến đường vành đai; phát triển một số tuyến mới nhằm tăng cường kết nối giao thông giữa Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong khu vực.

- Phát triển hệ thống đường tỉnh, đường liên huyện, đường huyện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Hoàn thành các trục: Tây Thăng Long, Hồ Tây - Ba Vì; đường trục Bắc Nam và đường kết nối khu vực Ứng Hòa, Phú Xuyên; đường trục Hà Đông - Xuân Mai, Ngọc Hồi - Phú

Xuyên. Xây dựng các nút giao thông khác mức tại các giao cắt của hệ thống đường vành đai, đường trục chính đô thị. Hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Đáy và xây mới các cầu vượt sông đồng bộ với quy mô của các tuyến đường quy hoạch; nghiên cứu phương án kết hợp cầu đường sắt và cầu đường bộ vượt sông. Từng bước nghiên cứu xây dựng hành lang giao thông dọc hai bên sông Hồng, sông Đáy và các sông khác kết hợp chỉnh trị lòng sông, tạo không gian phát triển mới khu vực hai bên bờ sông.

- Đầu tư hệ thống bến xe liên tỉnh mới phù hợp với quá trình mở rộng và phát triển đô thị, từng bước chuyển đổi công năng, di dời các bến xe trong khu vực vành đai 3. Bố trí quỹ đất hợp lý (bao gồm cả các không gian ngầm) để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, công viên cây xanh.

- Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng đáp ứng được cơ bản nhu cầu của người dân; mở thêm các tuyến mới, đặc biệt các tuyến liên kết vùng, bảo đảm kết nối thuận tiện giữa các loại hình phương tiện giao thông công cộng để thay thế phương tiện giao thông cá nhân; bố trí quỹ đất tại các khu vực phù hợp để xây dựng các trạm sạc cho xe điện và các trạm xe đạp công cộng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

b) Về đường sắt

- Đầu tư xây dựng 14 tuyến đường sắt đô thị và 02 tuyến đường sắt nhẹ (monorail). Ưu tiên các tuyến kết nối nội đô với cảng hàng không, khu công nghệ cao, các khu đô thị, các đầu mối giao thông lớn, các điểm có nhu cầu di chuyển cao trong khu vực nội đô. Nghiên cứu phương án kết nối mạng lưới đường sắt đô thị với một số trung tâm các tỉnh trong vùng.

- Phát triển tổ hợp Ngọc Hồi bao gồm: nhà ga, Depot, trạm bảo dưỡng... của đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị. Nghiên cứu phương án đón, trả hành khách giữa tổ hợp Ngọc Hồi với trung tâm Hà Nội.

- Phân bố hệ thống ga đường sắt đô thị tại khu vực trung tâm hợp lý, phù hợp với định hướng cải tạo và phát triển đô thị theo mô hình TOD; phát triển vận tải đa phương thức tại các ga đường sắt đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

c) Về đường thủy nội địa

- Phát triển các tuyến đường thủy nội địa trên hành lang vận tải thủy Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội, Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình và Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai; nâng cấp, cải tạo các tuyến có tiềm năng phát triển du lịch. Phát triển đồng bộ các luồng đường thủy nội địa có quy mô cấp V để phục vụ du lịch, thoát nước, thủy lợi và tạo cảnh quan môi trường đô thị.

- Xây dựng hệ thống cảng, bến đồng bộ theo các tuyến vận tải và phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội. Phát triển 05 cụm cảng hàng hóa gồm: cụm cảng trung tâm Hà Nội, cụm cảng Bắc Hà Nội, cụm cảng

Nam Hà Nội, cụm cảng Đông Hà Nội và cụm cảng Tây Hà Nội. Không phát triển cảng, bến hàng hóa tại hữu ngạn sông Hồng trong khu vực Vành đai 3. Xây dựng các cảng, bến hành khách, hàng hóa, chuyên dùng dọc các tuyến sông trên địa bàn thành phố khi có nhu cầu và tuân thủ quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

d) Về cảng cạn

Phát triển hệ thống cảng cạn gắn với các đầu mối vận tải lớn (cảng hàng không, ga đường sắt, cảng thủy nội địa) để hình thành các trung tâm logistics cấp vùng và quốc gia tại khu vực phía Đông Nam, phía Bắc và Tây Bắc.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

đ) Về cảng hàng không, sân bay

- Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Nội Bài có công suất phục vụ 60 triệu hành khách/năm và 2,0 triệu tấn hàng hóa/năm vào năm 2030; đến năm 2050, có công suất phục vụ 100 triệu hành khách/năm và 5,0 triệu tấn hàng hóa/năm.

- Nghiên cứu xây dựng cảng hàng không thứ hai tại khu vực Đông Nam, Nam Thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô sau năm 2030 với chức năng hỗ trợ cho Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Vị trí, các chỉ tiêu quy hoạch của Cảng hàng không thứ hai hỗ trợ Cảng hàng không quốc tế Nội Bài sẽ được nghiên cứu, xác định trong giai đoạn trước năm 2030.

- Nâng cấp, mở rộng, bổ sung chức năng lưỡng dụng cho các sân bay quân sự Gia Lâm, Hoà Lạc.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

e) Phát triển giao thông xanh, giao thông thông minh

- Thực hiện lộ trình, chính sách chuyển đổi giao thông xanh, thông minh. Xây dựng và triển khai tiêu chuẩn, quy chuẩn về khí thải các phương tiện giao thông trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu về giao thông xanh. Khuyến khích đầu tư hạ tầng trạm sạc cho xe điện.

- Phát triển Trung tâm điều hành giao thông thông minh, tích hợp. Hoàn thiện hệ thống giao thông thông minh (ITS) phục vụ công tác quản lý điều hành giao thông thành phố.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng xăng dầu và khí đốt

a) Mạng lưới cấp điện

- Bảo đảm nguồn điện cung cấp cho thành phố từ hệ thống truyền tải điện quốc gia thông qua lưới điện truyền tải 500 kV, 220 kV và lưới điện phân phối 110 kV. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng xanh, sạch. Quản lý vận hành hệ thống điện hiệu quả, nâng cao hiệu suất sử dụng điện an toàn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch và Kế hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối (lưới điện 500 kV, lưới điện 220 kV, lưới điện 110 kV và các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng) bảo đảm chất lượng điện năng ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Thực hiện tiêu chuẩn hóa vận hành lưới điện trung áp thành phố Hà Nội ở cấp điện áp 35 - 22 kV. Đến năm 2050 hoàn thành việc chuyển đổi, thống nhất sử dụng cấp điện áp 22 kV cho lưới điện trung áp. Xây dựng mới và cải tạo lưới điện hạ áp đảm bảo nhu cầu phát triển của phụ tải.

- Phát triển lưới điện ngầm phù hợp với quá trình đô thị hóa, phát triển hạ tầng trên địa bàn; từ Vành đai 3 trở vào trung tâm thành phố: tiến hành hạ ngầm toàn bộ mạng lưới điện; từ Vành đai 3 đến Vành đai 4: ưu tiên hạ ngầm tại các khu đô thị hoặc các khu vực có tính chất đặc biệt về kinh tế, chính trị. Phân đấu tỷ lệ ngầm hóa đường dây điện cao, trung, hạ áp tại các quận lõi trung tâm, khu vực đô thị có quy hoạch ổn định đạt 100%.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

b) Hạ tầng xăng dầu, khí đốt

- Phát triển hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt bảo đảm an toàn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Hệ thống kho xăng dầu, kho nhiên liệu và hệ thống đường ống cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quy hoạch quỹ đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có vị trí phù hợp để thực hiện di dời các trạm LPG gần khu dân cư, xây dựng mới các trạm LPG, các trạm lưu trữ và cấp khí CNG cho phương tiện vận tải.

- Bố trí, phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu theo quy định, khuyến khích phát triển tích hợp các tiện ích phù hợp.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, công nghệ hiện đại theo định hướng chia sẻ dùng chung, kết nối, phù hợp với xu hướng công nghệ, đón đầu các xu hướng mới của thế giới. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng lưới thông tin và truyền thông.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, trở thành hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số, đặc biệt là thương mại điện tử. Phát triển hệ thống bưu cục thông minh cung cấp dịch vụ bưu chính số.

- Phát triển hạ tầng số, mạng viễn thông băng thông rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại; hạ tầng điện toán đám mây; hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, xã hội số, công dân số, kinh tế số. Đẩy mạnh ngàm hóa mạng cáp viễn thông đồng bộ với ngàm hóa các hệ thống hạ tầng khác, ưu tiên thực hiện tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và các tuyến đường giao thông mới, mở rộng theo quy hoạch. Đầu tư, xây dựng các tuyến truyền dẫn nội tỉnh, liên tỉnh mới.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin mạng di động tốc độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số; từng bước làm chủ công nghệ nền tảng (Internet vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...). Phát triển hạ tầng số trên nền tảng công nghệ đồng bộ, hiện đại và hệ thống cơ sở dữ liệu lớn, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Phát triển mạng lưới báo chí, thông tin truyền thông theo hướng đồng bộ, hiện đại; chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về công trình thủy lợi và diễn biến nguồn nước. Hoàn thành cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

a) Về tưới, cấp nước:

- Chú trọng đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình đầu mối; cải tạo các sông, kênh, công trình dẫn nước; nghiên cứu, triển khai các giải pháp phù hợp để khai thác nguồn nước sông Đà, sông Hồng, sông Đuống cung cấp nước cho các công trình thủy lợi, phục hồi dòng chảy, làm sống lại các dòng sông Đáy, sông Tích, sông Nhuệ, sông Tô Lịch...

- Đối với hệ thống tưới, cấp nước nội đồng, gồm:

+ Vùng hữu Đáy: Nghiên cứu phương án với giải pháp phù hợp lấy nước từ sông Tích để thay thế một phần nhiệm vụ tưới của hồ Đồng Mô; cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước, các trạm bơm tưới nhỏ, cục bộ và kiên cố hóa hệ thống kênh mương.

+ Vùng tả Đáy: Hoàn thành dự án cụm công trình đầu mối Liên Mạc (giai đoạn 1); cải tạo, nạo vét, nâng cấp trục chính sông Nhuệ từ Liên Mạc đến đường Vành đai 4. Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm đã xuống cấp; xây mới các trạm bơm nhỏ, cục bộ.

+ Vùng Bắc Hà Nội: Xây mới, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tưới đã xuống cấp kết hợp kiên cố hóa hệ thống kênh mương. Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước thuộc huyện Sóc Sơn; xây mới các trạm bơm nhỏ, cục bộ.

b) Về tiêu, thoát nước:

- Hoàn thiện hệ thống công trình đầu mối, xây mới, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu đã xuống cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống kênh, trục tiêu chính... bảo đảm năng lực tiêu thoát của các công trình tiêu lớn ra sông Hồng, sông Đáy.

- Đối với các vùng:

+ Vùng hữu Đáy: Cải tạo, nâng cấp, xây mới một số trạm bơm trong vùng; cải tạo, nạo vét hệ thống tiêu Cổ Đô - Vạn Thắng, Phú Sơn - Yên Bò.

+ Vùng tả Đáy: Cải tạo, nâng cấp, xây mới một số trạm bơm trong vùng. Cải tạo, nạo vét, nâng cấp kênh Pheo, kênh Cầu Ngà và các tuyến kênh, trục tiêu trên địa bàn; xây dựng đập điều tiết tại kênh Pheo, kênh Cầu Ngà chảy ra sông Nhuệ.

+ Vùng Bắc Hà Nội: Hoàn thành xây dựng hệ thống trạm bơm tiêu vùng Đông Nam huyện Sóc Sơn. Xây mới trạm bơm tiêu chủ động tại các khu vực úng, trũng; nâng cấp các trục tiêu; xây dựng cống, đập điều tiết tại kênh Phù Trì chảy ra sông Cà Lồ.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, nhất là các nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống; giảm dần khai thác nguồn nước ngầm, chuyển nguồn nước ngầm không khai thác thành nguồn nước dự phòng. Xây dựng hệ thống quan trắc và bảo vệ nguồn nước. Nghiên cứu chuyển đổi sử dụng nguồn nước mặt cho các nhà máy đang sử dụng nguồn nước ngầm bị suy thoái.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống cấp nước: nhà máy nước, hệ thống mạng lưới đường ống truyền tải, phân phối, dịch vụ đáp ứng nhu cầu cho 100% khu vực đô thị và nông thôn của Thủ đô được cấp nước sạch đảm bảo về lưu lượng, chất lượng và áp lực nước.

- Phát triển hệ thống cấp nước kết nối liên vùng Thủ đô và các tỉnh liền kề nhằm bảo đảm cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của Thủ đô Hà Nội. Xây dựng các nhà máy nước mặt sử dụng nguồn nước sông Hồng tại phía Nam và phía Bắc Thủ đô Hà Nội.

- Phát triển mạng vòng cấp nước truyền tải cấp 1 để kết nối các nhà máy nước mặt có quy mô lớn, bảo đảm an toàn và hỗ trợ lẫn nhau trong trường hợp có sự cố về nguồn nước. Xây dựng mạng lưới cấp nước cho các khu vực chưa có nước sạch hoặc xây dựng các trạm cấp nước cục bộ cho các khu vực gặp khó khăn trong kết nối với mạng lưới cấp nước của thành phố, bảo đảm 100% khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước phù hợp với yêu cầu phát triển thành phố.

- Hiện đại hóa hệ thống quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sản xuất, vận hành hệ thống và kinh doanh nước sạch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

- Phương án thoát, xử lý nước mưa:

+ Quy hoạch thoát nước mưa đồng bộ với quy hoạch cao độ nền xây dựng, quy hoạch giao thông, quy hoạch tiêu thoát nước thủy lợi, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch thoát nước thải và các quy hoạch khác có liên quan.

+ Nâng cấp, xây dựng và phát triển hệ thống thoát nước mưa theo hướng hiện đại, có kết nối các khu vực đô thị, nông thôn và đồng bộ với hệ thống tiêu thoát nước thủy lợi. Đảm bảo tốt công tác phòng chống úng ngập góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Bảo vệ các ao, hồ, sông, kênh, mương hiện có; nghiên cứu bổ sung các hồ điều hòa kết hợp đa mục tiêu, đặc biệt tại các đô thị, các khu đô thị; các khu vực xây dựng đô thị mới phải đảm bảo quỹ đất dành cho xây dựng hồ điều hòa, các công trình tiêu thoát nước, bảo đảm mỗi khu đô thị mới đều có hồ điều hòa. Tăng cường khả năng tiêu thấm nước mưa trên bề mặt. Nghiên cứu triển khai mô hình tiêu thoát nước thông minh, lưu giữ kết hợp với tuần hoàn, tái sử dụng nước đô thị. Phát triển đồng bộ hệ thống thoát nước mưa đô thị theo hướng tự chảy kết hợp với tiêu động lực bằng hệ thống trạm bơm. Đầu tư phát triển hệ thống tiêu liên hoàn, đặc biệt là trong đô thị trung tâm; bảo đảm có quỹ đất dự phòng dành cho hệ thống công trình tiêu.

+ Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các trục thoát nước lớn, xuyên tâm, kết nối hệ thống thoát nước của khu vực trung tâm ra các trục tiêu thoát chính của thành phố. Mở rộng và nạo vét các sông, kênh trục chính của hệ thống tiêu thoát nước thành phố.

- Phương án thoát nước, xử lý nước thải:

+ Khu vực đô thị: xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải cục bộ kết hợp tập trung, hướng đến tái sử dụng nước thải đô thị. Từng bước tách riêng hệ thống thu gom nước thải với nước mưa đối với các khu vực đang chung hệ thống thoát nước. Đối với các khu đô thị mới xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải, bố trí đủ không gian và quỹ đất cho các công trình thu gom và xử lý nước thải.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Khu vực nông thôn: thu gom, xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

- Thực hiện nghiêm việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải, nhất là phân loại chất thải rắn tại nguồn; tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải theo định hướng tuần hoàn; bảo đảm thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại theo đúng quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa trong thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; tăng cường xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, tạo thuận lợi cho thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung. Tại khu đô thị, ưu tiên quy hoạch, bố trí trạm trung chuyển, tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại không gian ngầm để bảo đảm vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

- Tập trung cải tạo môi trường khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn. Từng bước đóng cửa và phục hồi môi trường đối với các bãi rác tạm, khu chôn lấp đã hết diện tích sử dụng, các bãi chôn lấp gây ô nhiễm môi trường. Bổ sung, chuyển đổi các khu xử lý chất thải rắn cấp thành phố không còn phù hợp thành các trạm trung chuyển hoặc khu xử lý cấp huyện; bảo đảm mỗi huyện có ít nhất 01 trạm trung chuyển hoặc khu xử lý chất thải; bố trí trạm trung chuyển cho khu vực đô thị trung tâm.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

b) Khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng

- Quy hoạch, chỉnh trang và xây dựng nghĩa trang theo hướng công viên nghĩa trang; đầu tư xây dựng các nhà tang lễ và các công trình phụ trợ bảo đảm văn minh và vệ sinh môi trường.

- Duy trì hoạt động nghĩa trang Mai Dịch; xây dựng nghĩa trang Yên Trung, huyện Thạch Thất dành cho đối tượng cấp cao.

- Mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ, nghĩa trang Vĩnh Hằng, nghĩa trang Thanh Tước.

- Nghiên cứu xây dựng nghĩa trang ở vị trí phù hợp tại các huyện: Thạch Thất, Phú Xuyên, Sóc Sơn. Rà soát, nghiên cứu chuyển đổi, bố trí lại một số nghĩa trang cấp thành phố thành nghĩa trang cấp huyện.

- Không xây dựng nghĩa trang hung táng trong phạm vi phát triển đô thị. Quy tập, di dời các khu nghĩa trang nhỏ lẻ nằm lẫn trong các khu đất canh tác, khu dân cư, trong phạm vi các đô thị về các nghĩa trang tập trung. Ưu tiên đầu tư và phát triển hình thức hỏa táng với công nghệ hiện đại.

- Quy hoạch mở rộng Nhà tang lễ Quốc gia (số 5 Trần Thánh Tông) đáp ứng yêu cầu tổ chức tang lễ cấp Quốc gia. Dự trữ quỹ đất xây dựng Nhà tang lễ Quốc gia tại huyện Hoài Đức.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

8. Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển của Thủ đô, tiến tới đạt tiêu chuẩn các nước tiên tiến trên thế giới, kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Rà soát, bảo đảm đường giao thông phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đáp ứng yêu cầu hoạt động hiệu quả của xe chữa cháy, cứu nạn cứu hộ.

- Quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ bảo đảm cho việc tập luyện, thường trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng hệ thống cơ sở của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, hoạt động ổn định, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của thành phố. Nghiên cứu, nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy 114 của Công an thành phố Hà Nội. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh. Bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất của thành phố, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất vì mục đích quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo quy định pháp luật về đất đai.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN

Quy hoạch 17 vùng huyện bảo đảm phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của Thủ đô, gồm:

- Vùng huyện Mê Linh: Là khu vực cửa ngõ phía Bắc Thủ đô kết nối với hành lang xuyên Á: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Thuộc khu vực dự kiến trực thuộc thành phố phía Bắc Thủ đô có chức năng đô thị, dịch vụ, công nghiệp, hội nhập quốc tế. Phát triển thành đô thị hiện đại, thông minh, sáng tạo có trình độ phát triển cao, đô thị gắn với mặt nước; hình thành các không gian văn hóa - thể thao cấp khu vực, các công viên sinh thái, hoạt động vui chơi giải trí, trải nghiệm dọc sông Hồng. Phát triển các trung tâm dịch vụ logistics, thương mại, trung tâm giao thương quốc tế, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp văn hóa, dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao. Phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, kết hợp dịch vụ thân thiện môi trường.

- Vùng huyện Đông Anh: Nằm ở trung tâm vùng đô thị phía Bắc sông Hồng. Nghiên cứu dự trữ quỹ đất hình thành trung tâm hành chính mới. Phát triển các loại hình dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng hiện đại, đẳng cấp quốc tế; trung tâm văn hóa thể thao; phát triển công nghiệp công nghệ cao; phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản khu vực Cổ Loa và đầm Vân Trì. Có vai trò chủ đạo trong việc liên kết với chuỗi đô thị Vĩnh Phúc - Thái Nguyên - Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ phía Bắc sông Hồng. Phát triển các đô thị thông minh gắn với mô hình TOD, xây dựng các công trình kiến trúc hiện đại là biểu tượng, điểm nhấn cho không gian đô thị gắn với trục sông Hồng, Hồ Tây - Cổ Loa, Nhật Tân - Nội Bài. Hình thành các tổ hợp công trình văn hóa, các công viên sinh thái và các hoạt động vui chơi giải trí dọc sông Hồng.

- Vùng huyện Hoài Đức: Thuộc khu vực phát triển đô thị phía Tây mở rộng của đô thị trung tâm, gắn với trục Hồ Tây - Ba Vì. Trong giai đoạn phát triển đến năm 2030, dự kiến huyện Hoài Đức nâng cấp lên quận, huyện Hoài Đức sẽ tập trung phát triển thành khu vực đô thị hiện đại, năng động và bền vững. Xây dựng các khu đô thị hiện đại, sinh thái, thông minh, gắn với mô hình TOD có hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại, bền vững, với đầy đủ các tiện ích xã hội. Khu vực nông thôn kết nối hài hòa với khu vực đô thị hóa, được bảo tồn, giữ gìn bản sắc gắn với các không gian làng nghề (khu vực nằm ngoài đô thị) để phục vụ phát triển du lịch. Ưu tiên phát triển thương mại, tài chính ngân hàng, vui chơi giải trí, dịch vụ logistics, dịch vụ giáo dục, y tế, công nghiệp văn hóa, thể thao. Phát triển các cụm công nghiệp làng nghề góp phần tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương.

- Vùng huyện Mỹ Đức: Là vùng văn hóa, di sản đặc thù phía Nam Thủ đô, kết nối với các khu vực di sản Bái Đính, Tràng An, Tam Chúc của các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng. Phát triển thành trung tâm du lịch văn hóa của Thủ đô và cả nước, gắn kết với các loại hình du lịch sinh thái, du lịch nghỉ

dưỡng, thân thiện với cảnh quan tự nhiên. Phát triển kinh tế tổng hợp, đa ngành tại khu vực trung tâm, xây dựng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề, tạo ra các sản phẩm công nghiệp văn hóa có giá trị. Phát triển các ngành nông nghiệp chất lượng cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ không gian mặt nước các sông, suối, hồ lớn để tạo cảnh quan và thu hút du lịch.

- Vùng huyện Phú Xuyên: Là khu vực cửa ngõ phía Nam Thủ đô kết nối với các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng. Tập trung phát triển dịch vụ, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ y tế, nghiên cứu và đào tạo về nông nghiệp và hỗ trợ phát triển vùng nông thôn các huyện phía Nam. Phát triển làng nghề truyền thống và giới thiệu các sản phẩm làng nghề. Ưu tiên các hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản xuất nông nghiệp sạch, phát triển các tổ hợp sản xuất - dịch vụ - nghiên cứu trong nông nghiệp kết nối với các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc miền Trung. Hình thành các không gian thể thao, văn hóa tại các khu vực dọc sông Hồng. Phát triển đô thị dịch vụ với hệ thống hạ tầng thương mại, các dịch vụ vận tải và logistics dựa trên lợi thế trục cao tốc và hệ thống đường sắt Bắc Nam.

- Vùng huyện Sóc Sơn: Là khu vực cửa ngõ phía Bắc thành phố, kết nối với các tỉnh phía Bắc vùng Thủ đô. Tập trung phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các trung tâm logistics, dịch vụ vận tải gắn với cảng hàng không quốc tế Nội Bài và hành lang kinh tế xuyên Á; phát triển các loại hình dịch vụ, thương mại, dịch vụ hàng không. Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sinh thái, công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất để dự trữ phát triển trong tương lai; khai thác các giá trị của các di tích, rừng núi Sóc Sơn, vùng cảnh quan hồ, đầm, ven sông... phục vụ phát triển du lịch, nghỉ dưỡng. Phát triển đô thị sinh thái ven sông theo hướng xanh, hòa nhập thiên nhiên. Phát triển các tổ hợp giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, văn hóa thể thao với hệ thống hạ tầng đồng bộ...

- Vùng huyện Gia Lâm: Là khu vực phát triển mới của đô thị trung tâm. Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại kết nối với khu vực nông thôn, đóng vai trò là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội. Phát triển các trung tâm dịch vụ logistics, thương mại dịch vụ chất lượng cao phục vụ hành lang kinh tế hướng biển trên cơ sở khai thác hiệu quả hệ thống đường sắt quốc gia và vận tải đường thủy. Xây dựng hoàn chỉnh trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo cấp vùng, hình thành các tổ hợp y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; phát triển mô hình nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp dịch vụ thân thiện môi trường. Hình thành các trung tâm vui chơi, giải trí, công viên chuyên đề hiện đại, đẳng cấp quốc tế; phát triển không gian xanh dọc hai bên bờ sông Hồng, sông Đuống.

- Vùng huyện Thường Tín: Là huyện nằm ở phía Nam Thủ đô, đóng vai trò kết nối khu vực đô thị trung tâm với các đầu mối trung chuyển phía Nam Thủ đô. Phát triển thương mại dịch vụ, logistics, hệ thống chợ đầu mối nông sản tổng hợp cấp vùng; trung tâm trung chuyển hành khách liên tỉnh; sản xuất nông

nghiệp sạch, công nghệ cao; phát triển các cụm công nghiệp làng nghề. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông kết nối với các hệ thống đường trục, đường vành đai, hệ thống cảng thủy nội địa. Phát triển các khu đô thị theo hướng xanh với hạ tầng đồng bộ, tiện ích đầy đủ. Bảo tồn một số không gian làng truyền thống Bắc Bộ.

- Vùng huyện Thanh Trì: Là huyện nằm ở vùng đô thị trung tâm mở rộng, đóng vai trò kết nối khu vực trung tâm Thủ đô với các tỉnh phía Nam vùng đồng Bằng sông Hồng. Phát triển các ngành thương mại, dịch vụ y tế, logistics, công nghiệp theo hướng sạch, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường... Phát triển thành đô thị hiện đại, thông minh, sáng tạo có trình độ phát triển cao, hình thành các không gian thể thao - văn hóa cấp khu vực, các công viên sinh thái, hoạt động vui chơi giải trí dọc sông Hồng. Bảo tồn, phát triển các làng nghề truyền thống, mô hình nông nghiệp đô thị theo hướng công nghệ cao. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và định hướng phát triển thành quận khi hội tụ đủ các điều kiện theo quy định.

- Vùng huyện Ba Vì: Là huyện phía Tây Bắc Thủ đô, cửa ngõ kết nối giữa Thủ đô với các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, có lợi thế phát triển du lịch với các loại hình nghỉ dưỡng sinh thái, trải nghiệm chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế. Kết hợp phát triển nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, sân golf, thể dục thể thao. Là vùng dự trữ phát triển của Thủ đô trong tương lai, nơi có những điều kiện đặc thù để phát triển không gian xanh, du lịch; hướng tới trở thành trung tâm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp của Hà Nội, du lịch văn hóa của cả nước. Một phần của huyện Ba Vì dự kiến cùng với Sơn Tây sẽ trở thành thành phố du lịch vùng Thủ đô. Quy hoạch khu đón khách quốc tế của Đảng và Nhà nước.

- Vùng huyện Chương Mỹ: Là huyện ngoại thành phía Tây Nam Thủ đô Hà Nội. Phát triển đô thị, công nghiệp dịch vụ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, hệ thống hạ tầng xã hội chất lượng cao, gắn kết với mạng lưới hạ tầng chung của Thủ đô Hà Nội nhằm hỗ trợ chia sẻ chức năng với đô thị trung tâm và trở thành động lực thúc đẩy phát triển vùng hành lang xanh. Phát triển không gian du lịch văn hóa gắn với bảo vệ cảnh quan tự nhiên. Phát triển không gian các khu, cụm đại học tập trung nhằm cụ thể hóa chương trình di dời trường học từ trong nội đô ra ngoại thành với các khu vực Chúc Sơn và Xuân Mai là hạt nhân phát triển. Là vùng có các hoạt động sản xuất nông nghiệp năng suất, chất lượng cao và tiêu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống. Phát triển vùng hành lang xanh gắn với chương trình phát triển nông thôn mới, song hành với bảo tồn, phát huy các giá trị về văn hóa, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Tập trung phát triển 2 đô thị Xuân Mai và Chúc Sơn. Phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ gắn với trục hành lang đô thị hóa quốc lộ 21, quốc lộ 6.

- Vùng huyện Quốc Oai: Là huyện phía Tây, tiếp giáp giữa đô thị trung tâm mở rộng và thành phố phía Tây, là trung tâm nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao; nơi ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, cung ứng dịch vụ và kinh doanh sản phẩm công

nghệ. Phát triển nông nghiệp sạch, hiệu quả kinh tế cao với các mô hình chuyên canh và nông nghiệp sinh thái. Phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa. Là đô thị sinh thái, phát triển bền vững, cân bằng giữa các yếu tố văn hóa, lịch sử, môi trường tự nhiên và vùng cảnh quan sông Đáy, sông Tích. Mở rộng và phát triển thêm các chức năng y tế, giáo dục, văn hóa cho thị trấn Quốc Oai, hướng đến là trung tâm hậu cần cho thành phố phía Tây và trung tâm thành phố Hà Nội. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với du lịch trải nghiệm. Cải tạo sông Đáy và sông Tích, bảo tồn các công trình di tích lịch sử hai bên sông, hình thành các tuyến du lịch dọc sông Tích, sông Đáy kết nối các điểm du lịch huyện lân cận. Thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa, lịch sử.

- Vùng huyện Thạch Thất: Là huyện phía Tây của Thủ đô, có một phần thuộc khu vực phát triển thành phố phía Tây (đô thị Hòa Lạc), với chức năng phát triển khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo chất lượng cao, tiểu thủ công nghiệp làng nghề gắn với bảo vệ môi trường, thương mại dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, sinh thái. Đảm bảo vai trò không gian cửa ngõ tích cực phía Tây của Thủ đô Hà Nội. Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao với trọng tâm là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Đại học quốc gia Hà Nội. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ. Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ. Phát triển đô thị gắn kết hài hòa với nông thôn và đặc điểm điều kiện tự nhiên tại khu vực. Hình thành các khu đô thị công nghệ cao dọc theo các trục giao thông chính như đại lộ Thăng Long, quốc lộ 21.

- Vùng huyện Phúc Thọ: Là huyện cửa ngõ phía Tây của đô thị trung tâm; thuộc hành lang xanh của Hà Nội. Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, may mặc và da giày, cơ khí chế tạo... và các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Phát triển thương mại tập trung, dịch vụ logistics hiện đại. Khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp hữu cơ. Ưu tiên phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng. Phát triển đô thị sinh thái, bền vững, cân bằng giữa các yếu tố văn hóa, lịch sử, môi trường tự nhiên và vùng cảnh quan sông Hồng, sông Đáy, sông Tích.

- Vùng huyện Thanh Oai: Là huyện phía Nam Thủ đô Hà Nội. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; trung tâm thương mại, dịch vụ, logistics quan trọng phía Nam Thủ đô. Phát triển du lịch sinh thái gắn với phát triển du lịch làng nghề truyền thống, du lịch văn hóa. Là vùng sản xuất nông nghiệp sạch, sinh thái quan trọng của Thủ đô; chuyển đổi mạnh mẽ ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và phương thức canh tác hữu cơ. Phát triển đô thị theo hướng sinh thái, phát triển nông thôn hiện đại. Hạ tầng đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ nhằm phát triển đô thị, kinh tế, xã hội với các không gian phát triển dọc theo trục Bắc Nam và đường vành đai 4 đoạn đi qua địa bàn huyện.

- Vùng huyện Ứng Hòa: Là huyện ngoại thành phía Nam Thủ đô Hà Nội. Nằm trong quy hoạch vành đai xanh của Thủ đô. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn. Phát triển ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp xanh, công nghệ cao; chú trọng đầu tư vào chế biến nông, lâm sản giá trị cao, phát triển ngành nghề truyền thống, làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái, gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp, làng nghề và các điểm di tích lịch sử. Đa dạng hóa các loại hình thương mại, dịch vụ và logistics theo hướng hiện đại. Phát triển đô thị sinh thái; bảo tồn, phát huy một số không gian làng truyền thống, làng nghề phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch.

- Vùng huyện Đan Phượng: Nằm ở phía Tây Bắc, là khu vực thuộc đô thị trung tâm mở rộng. Phát triển thương mại - dịch vụ, các khu đô thị mới hiện đại gắn với tuyến Vành đai 4 của Thủ đô. Khu vực phía Tây Vành đai 4 ưu tiên phát triển giáo dục, y tế, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, dịch vụ, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp đô thị và đô thị sinh thái. Phát triển du lịch sinh thái, thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao dọc sông Hồng, sông Đáy; du lịch văn hóa với trọng tâm là hình thành, phát triển không gian văn hóa, lịch sử thành công viên di sản văn hóa danh nhân Tô Hiến Thành, khơi thông dòng sông Nhuệ cũ, phát huy giá trị thành cổ Ô Diên; phát triển vận tải đường thủy nội địa, du lịch, logistics dọc sông Hồng. Phát triển đô thị hiện đại, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các làng nghề, khu vực nông thôn truyền thống.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng môi trường

Phân vùng môi trường Thủ đô Hà Nội thành 03 vùng để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Các khu dân cư tập trung của các quận, thành phố phía Bắc, thành phố phía Tây, đô thị loại II và đô thị loại III; các khu bảo tồn thiên nhiên (Vườn quốc gia Ba Vì, khu bảo vệ cảnh quan chùa Thầy, khu bảo vệ cảnh quan K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, khu bảo vệ cảnh quan Vật Lại, khu bảo vệ cảnh quan Hương Sơn); khu vực bảo vệ I của khu di sản Hoàng thành Thăng Long, di tích quốc gia cấp đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp thành phố; nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: vùng đệm Vườn quốc gia Ba Vì; khu vực bảo vệ II của của khu di sản Hoàng thành Thăng Long, di tích quốc gia cấp đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp thành phố; khu dân cư tập trung của đô thị loại IV, loại V; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; vùng đất ngập nước quan trọng; khu vui chơi giải trí dưới nước

theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ khác: là các khu vực còn lại trên địa bàn thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

b) Phương án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Bảo tồn, phát triển bền vững, chú trọng nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học. Chuyển tiếp, thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên, các vùng đất ngập nước quan trọng, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ, nhất là các hệ sinh thái sông, hồ, ao; phát triển các không gian xanh, hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh; đẩy mạnh trồng rừng và trồng cây phân tán, chú trọng phát triển diện tích cây xanh đô thị tại những khu vực thích hợp.

- Kết hợp bảo tồn tại chỗ với bảo tồn chuyển chỗ và các hình thức bảo tồn khác; bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị và khu vực nông thôn, nhất là hệ sinh thái nông nghiệp. Tăng cường lưu giữ, bảo tồn và phát huy giá trị các nguồn gen quý, hiếm, giống cây trồng, vật nuôi đặc hữu, đặc sản có giá trị. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo tồn đa dạng sinh học.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, hoạt động săn bắn, buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ các loài hoang dã; ngăn chặn tình trạng phá hủy các hệ sinh thái tự nhiên, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các khu vực có hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ. Triển khai đồng bộ chính sách chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên tại các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn và các vùng đất ngập nước quan trọng.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

c) Phương án quan trắc chất lượng môi trường

- Phát triển mạng lưới quan trắc trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý toàn diện chất lượng môi trường. Thiết lập và vận hành hiệu quả, đồng bộ, thống nhất với mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Phát triển hạ tầng, trang thiết bị, mạng lưới quan trắc môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường nước dưới đất, môi trường đất. Ưu tiên phát triển mạng lưới các trạm quan trắc tự động, liên tục đối với môi trường nước mặt, môi trường không khí.

- Vị trí quan trắc, thông số quan trắc và tần suất quan trắc môi trường do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định theo quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

d) Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Quản lý và bảo vệ hiệu quả diện tích rừng đặc dụng hiện có nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học trên diện tích rừng đặc dụng tại các huyện Ba Vì, Sóc Sơn, Thạch Thất, Quốc Oai theo đúng quy định pháp luật.

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng phòng hộ tại các khu vực rừng tự nhiên, núi đá khu vực đầu nguồn nước, lưu vực các hồ đập có tác dụng bảo vệ nguồn nước, khu vực có độ dốc địa hình lớn phù hợp; phục hồi chất lượng rừng, bảo đảm chức năng phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hoàn thành công tác giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng. Phát triển lâm nghiệp đa dụng, ưu tiên trồng các loài cây bản địa, cây gỗ quý, hiếm, lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao. Nghiên cứu cơ chế xây dựng mô hình khai thác lợi thế dưới tán rừng để phát triển du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng và lưu trú trên nguyên tắc tăng mật độ cây xanh và người sử dụng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp những công trình kết cấu hạ tầng lâm nghiệp xuống cấp, hư hỏng. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố phải phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch khác có liên quan.

- Thực hiện kiểm kê, thống kê, lập kế hoạch thăm dò, đánh giá trữ lượng, cấp phép khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng đến môi trường và các hoạt động kinh tế xã hội; gia hạn thời gian khai thác đối với các mỏ còn trữ lượng, phù hợp với quy hoạch; thực hiện đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn và trữ lượng khai thác; quy hoạch và mở rộng các mỏ khoáng sản, mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật. Quản lý, kiểm soát nghiêm ngặt các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng và cát lòng sông theo đúng quy định, đặc biệt trên các sông thuộc các địa bàn giáp ranh với các tỉnh khác.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân phối tài nguyên nước

Phân bổ nguồn nước linh hoạt, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả, theo thứ tự ưu tiên:

- Trong mọi trường hợp, đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng;

- Trong điều kiện bình thường, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các ngành;

- Trong điều kiện hạn hán, thiếu nước: hạn chế phân bổ nguồn nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết, sử dụng nước không hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí để ưu tiên cho mục đích sinh hoạt, các nhu cầu thiết yếu, các ngành sử dụng nước đem lại hiệu quả kinh tế cao.

b) Phương án bảo vệ tài nguyên nước

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước và các hoạt động xả nước thải, chất thải vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước; ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm nguồn nước; phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm trên các sông chính, quan trọng, đặc biệt là các sông: Ngũ Huyện Khê, Nhuệ, Đáy, Cầu Bây, Tích, Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét.

- Phục hồi mực nước sông Hồng để tạo cảnh quan, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, kênh; tăng cường quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước các hồ, ao trên địa bàn, đặc biệt đối với các hồ có chức năng điều hòa, cấp nước, các hồ gắn với văn hóa, lịch sử và phục vụ du lịch; lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên các dòng sông;

c) Về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước; xây dựng bản đồ về nguy cơ sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; đầu tư lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm cho một số khu vực, vị trí có nguy cơ cao xảy ra sạt, lở bờ sông; tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông; quản lý chặt chẽ việc xây dựng khu đô thị, khu dân cư, các hoạt động sản xuất khác lấn chiếm không gian thoát nước, chứa nước hoặc có tác động đến gia tăng sạt, lở bờ, bãi sông.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai

Hà Nội chịu tác động của hầu hết các loại hình thiên tai trừ gió mạnh trên biển, nước dâng, xâm nhập mặn và sóng thần.

- Vùng chịu ảnh hưởng của lũ, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: vùng bãi sông của 26/30 quận, huyện, thị xã có đê.

- Vùng chịu ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất, cháy rừng: vùng núi các huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Sóc Sơn, Quốc Oai, Thạch Thất.

- Vùng chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn và các loại hình thiên tai khác: tất cả các quận, huyện, thị xã.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo kịp thời, chủ động phòng, chống để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Bố trí sắp xếp dân cư, kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực nguy hiểm, khu vực không phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, nhất là các khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét, ngập sâu...

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Từng bước thực hiện phân loại tại nguồn, tái chế và tái sử dụng chất thải hoàn toàn theo định hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn, tham gia thị trường các-bon.

c) Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê

- Chủ động phòng chống lũ cho thành phố Hà Nội theo tiêu chuẩn đã được quy định đối với các lưu vực sông trên địa bàn thành phố nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Không gian thoát lũ bao gồm khu vực lòng sông và bãi sông nằm giữa 2 đê; các khu vực thuộc vùng chịu ảnh hưởng điều tiết lũ của các hồ chứa lớn phải đảm bảo không gian thoát lũ tương ứng với lũ tần suất theo Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; các khu vực thuộc vùng ít chịu ảnh hưởng điều tiết lũ của các hồ chứa lớn, phải đảm bảo không gian thoát lũ tương ứng với lũ có tần suất thiết kế trên tuyến sông đó.

- Cải tạo lòng dẫn và chỉnh trị sông: (i) Cải tạo lòng dẫn, nạo vét các trục thoát lũ và hoàn thiện các bờ bao để ngăn và tăng khả năng thoát lũ rừng ngang ra các sông Tích, sông Bùi, sông Cà Lồ...; cải tạo lòng dẫn sông Đáy để bảo đảm đưa nước thường xuyên từ sông Hồng vào sông Đáy cả về mùa kiệt và mùa lũ; cải tạo, nạo vét Lạch Quýt và cải tạo bờ, bãi sông đoạn qua đô thị trung tâm nhằm ổn định bờ sông, tăng khả năng thoát lũ, tạo cảnh quan, phát triển kinh tế - xã hội. (ii) Chỉnh trị cửa sông Đuống; nghiên cứu xây dựng công trình chỉnh trị, điều tiết đoạn cửa vào sông Đuống để khống chế, ổn định tỷ lệ phân lưu mùa lũ từ sông Hồng sang sông Đuống ở mức từ 30 - 32%.

- Nghiên cứu xây dựng các hồ chứa nước lũ rừng ngang tại các huyện: Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Mỹ Đức, chống ứng ngập, tạo cảnh quan môi trường sinh thái, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Quản lý và sử dụng bãi sông theo đúng các quy định của pháp luật về đê điều và các pháp luật khác có liên quan nhằm bảo đảm khả năng thoát lũ, phát triển không gian xanh, không gian công cộng phục vụ cộng đồng, phát triển đô thị hướng sông một cách hài hòa, nhất là các đoạn sông qua khu vực đô thị trung tâm. Ngoài các khu vực dân cư tập trung hiện có nằm ngoài bãi sông được quy định tại Phụ lục III Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016

của Thủ tướng Chính phủ, bổ sung các khu vực dân cư hiện có nằm ngoài bãi sông thuộc các quận Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng và các khu vực khác bảo đảm các quy định của pháp luật về phòng chống lũ và đê điều.

(Chi tiết tại phụ lục XXV kèm theo)

- Chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy khi dự báo xuất hiện trận lũ lớn hơn lũ 500 năm xuất hiện một lần trên hệ thống sông Hồng (vượt lũ thiết kế) hoặc xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với hệ thống đê điều khu vực nội thành Hà Nội, thực hiện chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng tối đa là 2.500 m³/s.

- Tăng cường công tác quan trắc khí tượng, thủy văn. Xây dựng bản đồ ngập lụt, xây dựng phương án ứng phó với các tình huống thiên tai, nhất là trong các tình huống khẩn cấp. Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn tăng độ che phủ, chống xói mòn, chống cạn kiệt dòng chảy, phòng, chống lũ quét.

d) Phương án phát triển hệ thống đê điều

Củng cố, nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống đê điều, bảo đảm an toàn chống lũ, kết hợp phát triển kinh tế, xã hội:

- Hoàn chỉnh mặt cắt đê bảo đảm đủ kích thước và chiều cao chống lũ. Nâng cấp, cải tạo các công trình dưới đê, công trình bảo vệ đê, công trình phụ trợ. Kiên cố hóa, nâng cao chất lượng thân, nền đê. Nấn chỉnh cục bộ, liên tuyến tại một số vị trí trên các tuyến đê phù hợp với các quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều được duyệt.

- Cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê, xây dựng đường hành lang chân đê. Cải tạo, nâng cấp đê, mở rộng mặt đê để phát triển giao thông, kết hợp tạo cảnh quan.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI kèm theo)

X. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, xác định các dự án, nhiệm vụ lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, bảo đảm đúng định hướng, đúng quy định của pháp luật.

Các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn thành phố đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng sẽ được triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt các Quy hoạch trên.

Danh mục các công trình dự án, nhiệm vụ ưu tiên tại Phụ lục XXVII kèm theo Quyết định này.

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động, sử dụng vốn đầu tư

- Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù được quy định trong Luật Thủ đô để tạo ra những đột phá tạo sức hút, huy động đa dạng các nguồn lực bên ngoài, các thành phần kinh tế tham gia khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế thành nguồn lực phát triển Thủ đô. Việc sử dụng các nguồn lực cần hướng đến tạo những đột phá và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm của Thủ đô.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách nhà nước và đầu tư công. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách gắn với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội về tài chính, ngân sách, đầu tư tại Luật Thủ đô, các Nghị quyết của Quốc hội đối với thành phố Hà Nội.

- Quản lý, khai thác có hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là nguồn lực tài chính từ đất đai để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô để bố trí, sắp xếp, khai thác, sử dụng có hiệu quả quỹ đất, nhất là ở các vị trí có khả năng sinh lợi cao. Nghiên cứu có cơ chế khai thác giá trị tăng lên từ đất khi đầu tư phát triển hạ tầng, phát triển đô thị; các chính sách thuế bất động sản, các loại phí đặc thù... để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng, xây dựng, cải tạo, chỉnh trang đô thị.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương và các địa phương liên quan thúc đẩy thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách trung ương trên địa bàn thành phố, vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng. Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, tạo tác động lan tỏa, dẫn dắt thu hút vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Đề nghị Trung ương và các bộ, ngành quan tâm để Hà Nội sử dụng các gói vay ODA cho phát triển hệ thống đường sắt đô thị.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP) với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, nhất là đối với các dự án phát triển hạ tầng đô thị. Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước có công nghệ tiên tiến, có nguồn vốn lớn, có cam kết gắn bó lâu dài với thành phố, nhất là trong những ngành kinh tế trụ cột của Thủ đô. Thu hút đầu tư mạnh mẽ vào các khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm du lịch và dịch vụ, trung tâm logistics, khu đô thị mới và nhà ở xã hội.

- Đẩy mạnh chương trình xúc tiến đầu tư và thương mại, cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước về Quy hoạch và các định hướng phát triển của thành phố. Khuyến khích và thu hút các tập đoàn kinh tế lớn, công ty đa quốc gia thành lập, đặt trụ sở hoặc văn phòng cấp vùng, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Hà Nội.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, nhất là bộ máy quản lý hành chính nhà nước trên cơ sở tăng cường phân cấp, phân quyền, bảo đảm dân chủ và minh bạch, đề cao tính tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng chính quyền số, phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp, phù hợp đặc điểm của Thủ đô.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, phát huy trí tuệ và trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước, bảo đảm các chính sách đãi ngộ đặc biệt (về cơ hội, vị trí làm việc, thu nhập, đào tạo, nhà ở) đối với đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế, nhất là đội ngũ chuyên gia công nghệ, nhà khoa học đầu ngành, nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ mới, nhà khoa học trẻ tài năng trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật và các ngành kinh tế quan trọng.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; cung ứng kịp thời nhân lực có chất lượng cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghệ cao. Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm, phát triển thị trường lao động ở nông thôn. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực, quản trị, vận hành thị trường lao động; phổ cập kỹ năng số và công nghệ thông tin vào chương trình dạy từ cấp tiểu học để phát triển công dân số.

- Xây dựng, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu lao động - việc làm phục vụ kết nối cung - cầu lao động; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, dự báo cung - cầu lao động đồng bộ, có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội. Hiện đại hóa các trung tâm dịch vụ, giới thiệu việc làm đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả. Cập nhật, theo dõi, quản lý kết quả kết nối việc làm thành công giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động; tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và hạ tầng xã hội đồng bộ cho người lao động; hỗ trợ người lao động ổn định chỗ ở.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường sự phối hợp, chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành; tổ chức công tác thanh tra, kiểm soát môi trường và xử lý các sai phạm một cách toàn diện, hiệu quả. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ những cơ sở phát sinh chất thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

- Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của Thủ đô. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đối với lực lượng cảnh sát môi trường và chú trọng hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị

trong công tác kiểm tra, giám sát môi trường. Thiết lập hạ tầng công nghệ quan trắc môi trường thông minh, được tích hợp với các thiết bị hạ tầng kỹ thuật đô thị khác và sử dụng chung cho tất cả các ứng dụng của thành phố thông minh.

- Áp dụng tổng hợp các biện pháp tuyên truyền, vận động, hành chính và kinh tế để thay đổi nhận thức và hành vi của người dân trong bảo vệ môi trường, chú trọng việc thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, hạn chế phát thải và tái sử dụng. Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc và vật liệu xây dựng trong thiết kế và xây dựng đô thị hướng đến các tiêu chí đô thị xanh, tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng, các vùng lân cận và tổ chức quốc tế đối với quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và đa dạng hóa các hình thức truyền thông đến các đối tượng để nâng cao nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường.

- Có các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, người dân trong việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường Thủ đô; ưu tiên thực hiện các chương trình: (1) Hỗ trợ, ưu đãi đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; từ phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch; đầu tư phát triển phương tiện giao thông công cộng kết hợp lộ trình hạn chế phương tiện giao thông cá nhân để giảm phát thải; (2) Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư sản xuất nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ sinh học, nông nghiệp tuần hoàn; các hoạt động xử lý, tái chế, tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; (3) Hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm tại các khu dân cư, làng nghề.

- Bảo vệ, chống san lấp các ao, hồ, kênh, mương điều hòa nước mặt; tích cực triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống ao, hồ, phục hồi các dòng sông và hồ nước.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Xây dựng và áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho Thủ đô về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt đối với các mô hình kinh tế mới, khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ. Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến vào xây dựng hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển thành phố Hà Nội thông minh, hạ tầng đô thị thông minh, phục vụ đặc lực, hiệu quả cho hoạt động của chính quyền số, xã hội số, công dân số, quản trị điều hành thông minh trong tất cả các ngành, lĩnh vực.

- Phát triển thị trường sản phẩm khoa học và công nghệ, khuyến khích phát triển nguồn cung, nâng cao năng lực của các tổ chức trung gian, đầu tư nâng cấp sản giao dịch công nghệ và thiết bị Hà Nội theo hướng đồng bộ, liên thông với các sản giao dịch trong nước, khu vực và thế giới.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tham gia mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO.

- Bảo đảm tỷ lệ chi từ ngân sách cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách thành phố hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Tạo thuận lợi trong việc hình thành và sử dụng quỹ tài chính, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách phối hợp các hoạt động đầu tư, phát triển giữa các địa phương trong vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng. Có cơ chế tập trung và phối hợp nguồn lực đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối trung tâm Thủ đô với các tỉnh trong vùng; phối hợp xây dựng các tuyến vành đai 4 và vành đai 5 kết nối các địa phương trong vùng Thủ đô.

- Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Thủ đô. Tăng cường hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế; chủ động tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, có tính thích ứng cao, có bản sắc riêng, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế. Củng cố các quan hệ truyền thống, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác mới với các thủ đô, thành phố trên thế giới, trong đó chú trọng các hoạt động hợp tác về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch. Chú trọng nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt cơ hội, thúc đẩy thực thi có hiệu quả các cam kết quốc tế, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; tranh thủ cơ hội về vốn, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm Thủ đô. Tăng cường đối ngoại nhân dân; tích cực tuyên truyền, thông tin đối ngoại về Thủ đô với bạn bè quốc tế và đồng bào ở nước ngoài.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý đầu tư xây dựng, phát triển các khu vực đô thị, nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của đô thị loại đặc biệt và định hướng phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, phù hợp với các mô hình phát triển đô thị và nông thôn của thành phố trong Thủ đô.

- Cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy và khai thác hiệu quả, bền vững các giá trị kiến trúc, không gian lịch sử văn hóa tại khu vực nội đô lịch sử. Có chính sách phù hợp, vượt trội để khuyến khích người dân di dời chỗ ở, chuyển đổi công năng sử dụng nhà đất, công trình kiến trúc thuộc khu vực bảo tồn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Thực hiện nghiêm quy hoạch, cấp phép xây dựng công trình nhà ở cao tầng theo quy định pháp luật, bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội của khu vực. Ưu tiên phát triển các khu đô thị mới, quy mô lớn, có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý các ngành và lĩnh vực, quản lý đô thị và nông thôn. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, đặc biệt là trật tự xây dựng, giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường; khai thác hiệu quả các không gian công cộng.

- Quản lý kiến trúc cảnh quan và các hoạt động xây dựng đô thị, nông thôn theo đồ án quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc; bảo tồn các di sản kiến trúc, di sản thiên nhiên, phát huy các hình thái kiến trúc của các khu vực, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử; quản lý, phát triển không gian xanh, không gian ngầm, khu vực hai bên sông Hồng và các trục cảnh quan khác theo quy hoạch.

- Công khai và thực hiện đúng quy định về không gian thoát lũ, bảo đảm dòng chảy và quy định pháp luật về đầu tư, phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng ven sông và các bãi nổi trên sông.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Nghiên cứu phương án triển lãm quy hoạch của Thủ đô để cung cấp thông tin quy hoạch kịp thời, tiếp nhận các góp ý, giám sát thực hiện quy hoạch, kết hợp là nơi tham quan, trải nghiệm và du lịch.

- Xây dựng hệ thống thông tin quy hoạch chuẩn hóa, tích hợp, trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng dữ liệu của thành phố, nhất là các dữ liệu bản đồ, thông tin điều tra cơ bản, các mô hình quy hoạch, phục vụ hiệu quả, toàn diện công tác quản lý quy hoạch, xây dựng trên địa bàn Thủ đô, cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan chính quyền các cấp, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư theo quy định của Nhà nước.

- Phát triển hệ thống quản lý đầu tư tập trung kết nối liên ngành trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư, tài chính, xây dựng, quy hoạch kiến trúc, thông tin truyền thông và liên thông giữa các cấp chính quyền của Hà Nội; kết nối với hạ tầng dữ liệu không gian đô thị; cung cấp thông tin về các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Quy hoạch Thủ đô, nhất là các nội dung quy hoạch, dự án ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, hệ thống đô thị, khu đô thị, khu công nghệ cao, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở, trung tâm sản xuất, kinh doanh quy mô lớn..., bảo đảm các mục tiêu, tiến độ quy hoạch đề ra.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 05 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất.

- Tổ chức, phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quy hoạch. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động quy hoạch.

XII. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục XXVIII kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn Thủ đô Hà Nội theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch Thủ đô bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch Thủ đô sau khi đã rà soát, hoàn thiện; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

c) Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch Thủ đô gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch Thủ đô và rà soát điều chỉnh Quy hoạch Thủ đô theo quy định của Luật Quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển Thủ đô và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy

hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch Thủ đô trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

g) Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thực hiện thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án, nhiệm vụ dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với định hướng phát triển quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có); đồng thời, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, tiến độ, tình hình thực tiễn phát triển của Thành phố và phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) Các phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; (iii) Nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với các ý kiến thẩm định, rà soát, tham gia của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; (iv) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại Tờ trình số 269/TTr-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024, Văn bản số 2884/UBND-KTTH ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; (v) Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung

theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định pháp luật.

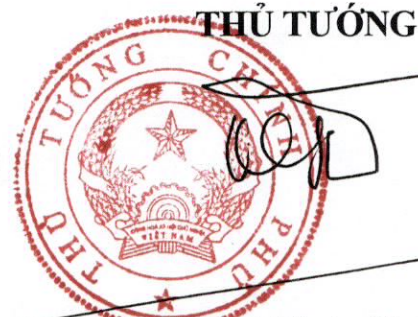
Điều 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của Quy hoạch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). Huyện 100



Phạm Minh Chính